

Số: /KH-CDYT

Phú Thọ, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH

Thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các chương trình đào tạo năm 2025

Thực hiện Kế hoạch đào tạo năm và Kế hoạch công tác đảm bảo chất lượng năm 2025, Nhà trường ban hành kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các chương trình đào tạo năm 2025, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

1. Mục đích:

- Đánh giá mức độ đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp ban hành
- Xác định điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong hoạt động đào tạo, quản lý và phục vụ người học.
- Tăng cường nhận thức và năng lực của cán bộ, giảng viên, nhân viên trong công tác đảm bảo chất lượng.
- Làm căn cứ để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo và chuẩn bị cho kiểm định ngoài.

2. Yêu cầu:

- Đảm bảo đánh giá toàn bộ hoạt động của Nhà trường.
- Có sự tham gia của tất cả các đơn vị, cá nhân có liên quan của Nhà trường.
- Đánh giá theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp hiện hành và các hướng dẫn có liên quan.
- Đảm bảo trung thực, khách quan, đầy đủ minh chứng hợp lệ để chứng minh cho nhận định trong tự đánh giá chất lượng.
- Kết quả tự đánh giá chất lượng phải được công khai trong nội bộ Trường, được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin quản lý Nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và được lưu trữ cùng toàn bộ minh chứng, tài liệu liên quan.

II. NỘI DUNG VÀ CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ:

1. Nội dung:

- Đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2025
- Đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ cao đẳng các ngành: Điều dưỡng; Dược; Hộ sinh; Kỹ thuật hình ảnh y học; Kỹ thuật xét nghiệm y học; Kỹ thuật Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng.

2. Công cụ đánh giá

- Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Lao động – Thương Binh và Xã hội.

- Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, cao đẳng.

- Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng;

- Bảng mã minh chứng: Phụ lục 3, Phụ lục 4 (kèm theo Kế hoạch này)

III. QUY TRÌNH TỰ ĐÁNH GIÁ

Quy trình tự đánh giá chất lượng được quy định tại Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, cụ thể như sau:

- 1- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và chương trình đào tạo
- 2- Thực hiện tự đánh giá
- 3- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng
- 4- Công bố báo cáo tự đánh giá và gửi cơ quan có thẩm quyền

IV. TIẾN TRÌNH THỰC HIỆN

TT	Thời gian	Nội dung	Phụ trách	Ghi chú
1	05-07/11/2025	- Lập kế hoạch tự đánh giá (TĐG) chất lượng cơ sở GDNN và các chương trình đào tạo trình Chủ tịch Hội đồng phê duyệt	Phòng KT-ĐBCL	
2	10/11/2025	- Họp Hội đồng và triển khai kế hoạch TĐG	Hội đồng TĐGCL	Có thông báo lịch họp riêng
3	11-20/11/2025	- Thu thập thông tin, minh chứng - Phân tích và xử lý thông tin, minh chứng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn. - Tổng hợp số liệu và viết báo cáo TĐG	Tất cả các đơn vị có liên quan đến từng tiêu chí, tiêu chuẩn	

TT	Thời gian	Nội dung	Phụ trách	Ghi chú
		chất lượng CSGDNN và báo cáo TĐG chất lượng CTĐT theo BM 48.03		
4	24/11/2025	- Tổ chức họp Hội đồng góp ý, hoàn thiện các báo cáo TĐG.	Hội đồng TĐGCL	
5	25-30/11/2025	- Các đơn vị hoàn thiện các báo cáo TĐG và bổ sung minh chứng theo góp ý của thành viên Hội đồng và gửi cho thư ký Hội đồng.	Các đơn vị	
6	01-03/12/2025	Tổng hợp báo cáo TĐG chất lượng	Thư ký HĐ; Các Khoa có CTĐT được đánh giá	
7	04-07/12/2025	- Lấy ý kiến các đơn vị trong trường, tổng hợp ý kiến và hoàn thiện báo cáo TĐG gửi Hội đồng TĐGCL.	Thư ký HĐ; Các Khoa có CTĐT được đánh giá	
8	08/12/2025	- Họp thông qua báo cáo TĐG chất lượng	Hội đồng TĐGCL	
9	10/12/2025	- Phê duyệt báo cáo TĐG chất lượng	Hiệu trưởng	
10	11-12/12/2025	- Công bố báo cáo TĐGCL cho các đơn vị; chuyển Ban TTTT đăng tải trên website và nộp các cơ quan quản lý theo quy định	Thư ký HĐ	

V. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

(Phân công nhiệm vụ chi tiết tại phụ lục 1,2 kèm theo kế hoạch)

VI. KINH PHÍ

- Căn cứ Kế hoạch này, các đơn vị xây dựng kế hoạch thực hiện và dự trù kinh phí trình Hiệu trưởng phê duyệt (nếu có).

- Kinh phí cho hoạt động tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, và các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng được lấy từ nguồn thu sự nghiệp của Nhà trường.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

- Phân công các thành viên Hội đồng đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng của các đơn vị;

- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng và các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng.

2. Phòng Khảo thí & ĐBCL:

- Tổng hợp và hoàn thiện các báo cáo tự đánh giá cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo biểu mẫu BM 48.03, BM 48.05, BM 48.07, BM 48.09 của Quy trình 48.

- Gửi dự thảo báo cáo tự đánh giá chất lượng CSGDNN tới các đơn vị để lấy ý kiến sau đó tổng hợp, hoàn thiện báo cáo gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng hợp thông qua.

- Gửi báo cáo về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng trên Website Nhà trường.

3. Khoa Điều dưỡng, khoa Dược, khoa Y:

- Thực hiện các nội dung công việc theo phân công trong Kế hoạch tự đánh giá chất lượng, làm đầu mối tổng hợp và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT của ngành đào tạo do khoa phụ trách;

- Tổng hợp và hoàn thiện các biểu mẫu BM 48.03, BM 48.06, BM 48.08

- Gửi dự thảo báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT tới các đơn vị để lấy ý kiến sau đó tổng hợp, hoàn thiện báo cáo gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng hợp thông qua.

4. Các Phòng, Khoa và các tổ chức thuộc trường

- Thực hiện nhiệm vụ theo phân công tại phụ lục 1, 2. Thu thập minh chứng theo Bảng mã minh chứng tại phụ lục 3,4. Phân tích và xử lý thông tin, đánh giá mức độ đạt được theo quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và các hướng dẫn có liên quan của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;

- Viết báo cáo theo tiêu chí, tiêu chuẩn được phân công về từng hoạt động và kết quả thực hiện từng chức năng, nhiệm vụ của đơn vị theo biểu mẫu BM 48.03 của Quy trình 48, chuyển cho thư ký Hội đồng và các khoa tổng hợp.

Trên đây là kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và chương trình đào tạo trình độ cao đẳng năm 2025. Yêu cầu tất cả các phòng, khoa và đơn vị thuộc trường phải tổ chức thực hiện nghiêm túc, đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu đề ra. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo lại Chủ tịch Hội đồng (qua thư ký) để có chỉ đạo kịp thời./.

Nơi nhận:

- BGH;
- Hội đồng TĐGCL;
- Các đơn vị thuộc trường;
- Lưu: VT; KTĐBCL

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Quang Ân

Phụ lục 1:**BẢNG PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP***(Kèm theo Kế hoạch số /KH-CDYT ngày tháng năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Phú Thọ.)*

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Đơn vị thực hiện	Thành viên hội đồng và cá nhân phụ trách
I	Tiêu chí 1: Sứ mạng, mục tiêu, tổ chức và quản lý		
1	Tiêu chuẩn 1.1: Sứ mạng, mục tiêu của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, định hướng phát triển của trường, phù hợp với yêu cầu nhân lực trong các chiến lược phát triển ngành/chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương và được công bố công khai.	Phòng TC-CB	Hà Thị Thanh Thảo
2	Tiêu chuẩn 1.2: Trường có quy chế về tổ chức và hoạt động, trong đó có phân công rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc trường, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu, cơ cấu ngành, nghề, quy mô đào tạo của trường.	Phòng TC-CB	Hà Thị Thanh Thảo
3	Tiêu chuẩn 1.3: Trường đã xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng.	Phòng KT-ĐBCL	Lương Tất Thắng
4	Tiêu chuẩn 1.4: Hằng năm, hệ thống bảo đảm chất lượng của trường được đánh giá và có biện pháp cải tiến nhằm tăng hiệu lực, hiệu quả quản lý.	Phòng KT-ĐBCL	Lương Tất Thắng
5	Tiêu chuẩn 1.5: Hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường (đảng ủy, ban giám hiệu đối với các trường thuộc lực lượng vũ trang), tổ chức đảng, đoàn thể và các hội đồng tư vấn khác được thành lập theo quy định; thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với sứ mạng, mục tiêu của trường.	Đảng ủy; HĐT; Công đoàn; ĐTN; Phòng TC-CB	Vũ Đức Hiếu; Lương Tất Thắng; Nguyễn Trần Huy Hoàng; Hà Thị Thanh Thảo
II	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo:		
1	Tiêu chuẩn 2.1: Quy chế tuyển sinh và các kế hoạch, chính sách tuyển sinh được xây dựng, triển khai phù hợp chương trình đào tạo các ngành, nghề đào tạo của trường.	Phòng ĐT-HTQT	Đỗ Thị Hương Liên
2	Tiêu chuẩn 2.2: Trường tuyển sinh theo kế hoạch bảo đảm công bằng, khách quan và theo hướng nâng cao chất lượng đầu vào. Công tác tuyển sinh được kiểm tra, giám sát và cải tiến, bảo đảm tính phù hợp, hiệu quả.	Phòng ĐT-HTQT	Đỗ Thị Hương Liên
3	Tiêu chuẩn 2.3: Trường xây dựng, ban hành quy chế đào tạo, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp. Hình thức, phương thức, phương pháp đào tạo đa dạng, phù hợp với mục tiêu, nội dung của từng chương trình đào tạo.	Phòng ĐT-HTQT	Đỗ Thị Hương Liên

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Đơn vị thực hiện	Thành viên hội đồng và cá nhân phụ trách
4	Tiêu chuẩn 2.4: Trường xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo cho từng lớp, khóa học, học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến mô-đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với hình thức đào tạo để người học đáp ứng chuẩn đầu ra.	Phòng ĐT-HTQT	Đỗ Thị Hương Liên
5	Tiêu chuẩn 2.5: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động hoặc các tổ chức, cá nhân trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập.	Phòng ĐT-HTQT	Đỗ Thị Hương Liên
6	Tiêu chuẩn 2.6: Trường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo, bao gồm cả hình thức đào tạo từ xa (nếu có).	Phòng ĐT-HTQT	Đỗ Thị Hương Liên
7	Tiêu chuẩn 2.7: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động dạy, học theo đúng kế hoạch. Thực hiện biện pháp điều chỉnh kịp thời các hoạt động dạy và học theo đề xuất của báo cáo kiểm tra, giám sát để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.	Phòng ĐT-HTQT	Đỗ Thị Hương Liên
8	Tiêu chuẩn 2.8: Các hình thức, phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của người học được thiết kế phù hợp; được rà soát, đánh giá, cải tiến để bảo đảm độ chính xác, công bằng, khách quan và định hướng người học đạt chuẩn đầu ra.	Phòng KT-ĐBCL	Luong Tât Thang
III	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động		
1	Tiêu chuẩn 3.1: Quy trình tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý của trường được ban hành và đưa vào áp dụng; hằng năm được rà soát, đánh giá để cải tiến.	Phòng TC-CB	Hà Thị Thanh Thảo
2	Tiêu chuẩn 3.2: Trường thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động. Hằng năm, trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Phòng TC-CB	Hà Thị Thanh Thảo
3	Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác, bảo đảm về số lượng, cơ cấu ngành, nghề đáp ứng yêu cầu đào tạo của trường.	Phòng TC-CB	Hà Thị Thanh Thảo
4	Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu, yêu cầu của chương trình đào tạo và thực hiện các quy định về tổ chức đào tạo có liên quan.	Phòng TC-CB	Hà Thị Thanh Thảo
5	Tiêu chuẩn 3.5: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp	Phòng TC-CB	Hà Thị Thanh Thảo

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Đơn vị thực hiện	Thành viên hội đồng và cá nhân phụ trách
	vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.		
6	Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo định kỳ được học tập, bồi dưỡng, thực tập để cập nhật kiến thức, công nghệ, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp hoặc theo yêu cầu đặc thù của ngành, nghề đào tạo.	Phòng TC-CB	Hà Thị Thanh Thảo
7	Tiêu chuẩn 3.7: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đáp ứng các tiêu chuẩn và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao. Đội ngũ viên chức, người lao động đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao. Cán bộ quản lý, viên chức, người lao động định kỳ được bồi dưỡng, cập nhật nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.	Phòng TC-CB	Hà Thị Thanh Thảo
IV	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình:		
1	Tiêu chuẩn 4.1: Trường ban hành và áp dụng quy trình bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo. Quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan.	Phòng ĐT-HTQT	Đỗ Thị Hương Liên
2	Tiêu chuẩn 4.2: Trường ban hành đầy đủ các chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo mà trường được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.	Phòng ĐT-HTQT	Đỗ Thị Hương Liên
3	Tiêu chuẩn 4.3: Chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp, phù hợp với mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp, yêu cầu của ngành, nghề đào tạo và được công bố công khai.	Phòng ĐT-HTQT	Đỗ Thị Hương Liên
4	Tiêu chuẩn 4.4: Các chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến chất lượng để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và sự phát triển của ngành, địa phương.	Phòng ĐT-HTQT	Đỗ Thị Hương Liên
5	Tiêu chuẩn 4.5: Trường ban hành và áp dụng quy trình bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo. Quá trình xây dựng và thẩm định giáo trình đào tạo có sự tham gia của chuyên gia, cán bộ quản lý có kinh nghiệm của ngành, nghề đào tạo và các bên liên quan.	Phòng ĐT-HTQT	Đỗ Thị Hương Liên
6	Tiêu chuẩn 4.6: Trường ban hành đầy đủ giáo trình các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. Các giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo và phù hợp với phương pháp dạy học.	Phòng ĐT-HTQT	Đỗ Thị Hương Liên

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Đơn vị thực hiện	Thành viên hội đồng và cá nhân phụ trách
7	Tiêu chuẩn 4.7: Các giáo trình định kỳ được rà soát, đánh giá và cập nhật theo quy định, đáp ứng sự thay đổi của chương trình đào tạo.	Phòng ĐT-HTQT	Đỗ Thị Hương Liên
V	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo:		
1	Tiêu chuẩn 5.1: Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ quản lý thiết bị, xưởng thực hành, phòng học, các phòng công năng khác đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu, dịch vụ người học và các hoạt động khác của trường.	Phòng KH-TC	Hà Đức Toàn
2	Tiêu chuẩn 5.2: Quy hoạch tổng thể các khuôn viên của trường phù hợp với công năng, bền vững về môi trường. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường theo quy chuẩn và tiêu chuẩn hiện hành, đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt.	Phòng KH-TC	Hà Đức Toàn
3	Tiêu chuẩn 5.3: Khu hiệu bộ, khu học lý thuyết, khu học thực hành, khu rèn luyện thể chất, khu phục vụ và các hạng mục khác phục vụ sinh hoạt cho người học, nhà giáo có cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo, bảo đảm các yêu cầu công nghệ và bảo vệ môi trường.	Phòng KH-TC	Hà Đức Toàn
4	Tiêu chuẩn 5.4: Các tiêu chuẩn về môi trường, an toàn, sức khỏe nghề nghiệp được trường xác định và triển khai, bao gồm cả các nhu cầu, các điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật (nếu có) và không phân biệt đối xử về giới.	Phòng KH-TC	Hà Đức Toàn
5	Tiêu chuẩn 5.5: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo và được quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, bố trí hợp lý, bảo đảm các yêu cầu sư phạm, an toàn sức khỏe, vệ sinh môi trường.	Phòng KH-TC	Hà Đức Toàn
6	Tiêu chuẩn 5.6: Trường ban hành và áp dụng quy trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu. Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí hợp lý, đáp ứng đầy đủ nhu cầu theo kế hoạch, tiến độ đào tạo và được tái sử dụng hiệu quả.	Phòng KH-TC	Hà Đức Toàn
7	Tiêu chuẩn 5.7: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc điện tử; phòng đọc của cán bộ, nhà giáo; phòng đọc của người học; kho sách bảo đảm tiêu chuẩn thiết kế và định mức diện tích sử dụng.	Phòng KH-TC	Hà Đức Toàn
8	Tiêu chuẩn 5.8: Thư viện, nguồn học liệu đầy đủ và phù hợp, được cập nhật, áp dụng những tiến bộ về công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng, bảo đảm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, nghiên cứu của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động và người học.	Phòng KH-TC	Hà Đức Toàn

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Đơn vị thực hiện	Thành viên hội đồng và cá nhân phụ trách
VI	Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế:		
1	Tiêu chuẩn 6.1: Trường ban hành quy định và thực hiện chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động và người học tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến, chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo và phục vụ cộng đồng.	Phòng ĐT-HTQT	Đỗ Thị Hương Liên
2	Tiêu chuẩn 6.2: Hằng năm, trường có tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên, được ứng dụng, phục vụ trực tiếp công tác đào tạo của trường và phục vụ cộng đồng.	Phòng ĐT-HTQT	Đỗ Thị Hương Liên
3	Tiêu chuẩn 6.3: Hằng năm, trường có các bài báo của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các tạp chí chuyên ngành hoặc ấn phẩm tương đương.	Phòng ĐT-HTQT	Đỗ Thị Hương Liên
4	Tiêu chuẩn 6.4: Có hoạt động hợp tác với các trường hoặc các tổ chức, cá nhân nước ngoài góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	Phòng ĐT-HTQT	Đỗ Thị Hương Liên
VII	Tiêu chí 7: Người học và hoạt động hỗ trợ người học		
1	Tiêu chuẩn 7.1: Các thông tin về ngành, nghề, chương trình đào tạo và việc tổ chức thực hiện quy chế đào tạo, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường và các chế độ, chính sách đối với người học được mô tả rõ ràng, đầy đủ và công khai.	Phòng CTCT-HSSV	Lê Phúc Hưng
2	Tiêu chuẩn 7.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định, bảo đảm quyền lợi của người học, tạo điều kiện cho người học thuộc đối tượng chính sách có cơ hội tiếp cận học nghề, lập nghiệp. Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.	Phòng CTCT-HSSV	Lê Phúc Hưng
3	Tiêu chuẩn 7.3: Trường có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện; hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	Phòng CTCT-HSSV	Lê Phúc Hưng
4	Tiêu chuẩn 7.4: Người học được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, nghiên cứu khoa học và các hoạt động xã hội khác để phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực.	Phòng CTCT-HSSV	Lê Phúc Hưng
5	Tiêu chuẩn 7.5: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát, quản lý người học được định kỳ rà soát và cải tiến để đáp ứng nhu cầu của người	Phòng CTCT-HSSV	Lê Phúc Hưng

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Đơn vị thực hiện	Thành viên hội đồng và cá nhân phụ trách
	học và các bên liên quan.		
VIII	Tiêu chí 8: Giám sát, đánh giá chất lượng		
1	Tiêu chuẩn 8.1: Tỷ lệ tốt nghiệp của người học và tỷ lệ bỏ học được xác lập, giám sát, đối sánh (nếu có) để cải tiến.	Phòng CTCT-HSSV	Lê Phúc Hưng
2	Tiêu chuẩn 8.2: Trường triển khai hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm cơ sở để đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ của trường.	Phòng KT-ĐBCL	Lương Tất Thắng
3	Tiêu chuẩn 8.3: Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo; sử dụng kết quả khảo sát để thực hiện đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo.	Phòng KT-ĐBCL	Lương Tất Thắng
4	Tiêu chuẩn 8.4: Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ khảo sát người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức đào tạo, về chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường; sử dụng kết quả khảo sát để thực hiện đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo.	Phòng KT-ĐBCL	Lương Tất Thắng
5	Tiêu chuẩn 8.5: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng, có kế hoạch thực hiện kiểm định chất lượng trường; có kế hoạch và biện pháp để thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	Phòng KT-ĐBCL	Lương Tất Thắng
6	Tiêu chuẩn 8.6: Trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% người học tốt nghiệp có việc làm.	Phòng CTCT-HSSV	Lê Phúc Hưng

Phụ lục 2:**BẢNG PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-CDYT ngày tháng năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Phú Thọ).

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Đơn vị thực hiện	Thành viên hội đồng phụ trách
I	Tiêu chí 1 - Mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo		
1	Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng của trường, mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp và nhu cầu của thị trường lao động.	- Khoa ĐD-HS - Khoa Dược - Khoa Y	- Phùng T. Hải Yến - Nguyễn T. Thúy Ngọc - Trần Xuân Quang
2	Tiêu chuẩn 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp, yêu cầu của ngành, nghề đào tạo, nhu cầu của người học, đơn vị sử dụng lao động, các bên liên quan khác và được công bố công khai.	- Khoa ĐD-HS - Khoa Dược - Khoa Y	- Phùng T. Hải Yến - Nguyễn T. Thúy Ngọc - Trần Xuân Quang
3	Tiêu chuẩn 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được tích hợp năng lực số cho phù hợp với yêu cầu của chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp.	- Khoa ĐD-HS - Khoa Dược - Khoa Y	- Phùng T. Hải Yến - Nguyễn T. Thúy Ngọc - Trần Xuân Quang
II	Tiêu chí 2 - Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo, giáo trình		
1	Tiêu chuẩn 2.1: Chương trình đào tạo có đầy đủ thông tin, cấu trúc logic, có tính linh hoạt và được cập nhật, phê duyệt, ban hành.	- Khoa ĐD-HS - Khoa Dược - Khoa Y	- Phùng T. Hải Yến - Nguyễn T. Thúy Ngọc - Trần Xuân Quang
2	Tiêu chuẩn 2.2: Nội dung chương trình đào tạo đáp ứng sự thay đổi của khoa học, công nghệ, yêu cầu trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và nhu cầu của thị trường lao động hoặc của ngành, địa phương.	- Khoa ĐD-HS - Khoa Dược - Khoa Y	- Phùng T. Hải Yến - Nguyễn T. Thúy Ngọc - Trần Xuân Quang
3	Tiêu chuẩn 2.3: Chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển dựa trên nhu cầu và phản hồi của các bên liên quan, bảo đảm đạt được chuẩn đầu ra. Mỗi môn học, mô-đun phải thể hiện vị trí, vai trò và tiến trình đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.	- Khoa ĐD-HS - Khoa Dược - Khoa Y	- Phùng T. Hải Yến - Nguyễn T. Thúy Ngọc - Trần Xuân Quang
4	Tiêu chuẩn 2.4: Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, sự phát triển của ngành, địa phương.	- Khoa ĐD-HS - Khoa Dược - Khoa Y	- Phùng T. Hải Yến - Nguyễn T. Thúy Ngọc - Trần Xuân Quang
5	Tiêu chuẩn 2.5: Giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành đủ cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	- Khoa ĐD-HS - Khoa Dược - Khoa Y	- Phùng T. Hải Yến - Nguyễn T. Thúy Ngọc - Trần Xuân Quang
6	Tiêu chuẩn 2.6: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu	- Khoa ĐD-HS	- Phùng T. Hải Yến

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Đơn vị thực hiện	Thành viên hội đồng phụ trách
	về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, bảo đảm đáp ứng yêu cầu của ngành, nghề đào tạo.	- Khoa Dược - Khoa Y	- Nguyễn T. Thúy Ngọc - Trần Xuân Quang
7	Tiêu chuẩn 2.7: Giáo trình định kỳ được rà soát, đánh giá và cập nhật theo quy định, đáp ứng sự đổi mới của chương trình đào tạo.	- Khoa ĐD-HS - Khoa Dược - Khoa Y	- Phùng T. Hải Yến - Nguyễn T. Thúy Ngọc - Trần Xuân Quang
III	Tiêu chí 3 - Hoạt động đào tạo:		
1	Tiêu chuẩn 3.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật. Các hoạt động tư vấn tuyển sinh giúp người học lựa chọn đúng ngành, nghề đào tạo, phát huy năng lực, sở trường của người học. Kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	Phòng ĐT&HTQT	Đỗ Thị Hương Liên
2	Tiêu chuẩn 3.2: Các phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung, mục tiêu của từng mô-đun, môn học để góp phần đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.	Phòng ĐT&HTQT	Đỗ Thị Hương Liên
3	Tiêu chuẩn 3.3: Các hoạt động dạy và học phát huy tính tích cực, tự giác, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và học tập suốt đời.	- Khoa ĐD-HS - Khoa Dược - Khoa Y	- Phùng T. Hải Yến - Nguyễn T. Thúy Ngọc - Trần Xuân Quang
4	Tiêu chuẩn 3.4: Trường phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn người học thực hành, thực tập tại nơi làm việc.	- Khoa ĐD-HS - Khoa Dược - Khoa Y	- Phùng T. Hải Yến - Nguyễn T. Thúy Ngọc - Trần Xuân Quang
5	Tiêu chuẩn 3.5: Trường xây dựng, ban hành quy trình và tổ chức thực hiện việc kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng cho người tốt nghiệp bảo đảm công bằng, minh bạch; hồ sơ lưu trữ đầy đủ, rõ ràng.	Phòng KTĐBCL/ Phòng ĐT&HTQT	- Lương Tất Thắng - Đỗ Thị Hương Liên
6	Tiêu chuẩn 3.6: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các mục tiêu dạy và học.	Phòng KTĐBCL	Lương Tất Thắng
7	Tiêu chuẩn 3.7: Kết quả kiểm tra, đánh giá người học được tổng hợp, phân tích và phản hồi kịp thời để cải thiện việc giảng dạy, học tập.	Phòng KTĐBCL	Lương Tất Thắng
IV	Tiêu chí 4 - Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động		
1	Tiêu chuẩn 4.1: Đội ngũ nhà giáo tham gia	- Khoa ĐD-HS	- Phùng T. Hải Yến

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Đơn vị thực hiện	Thành viên hội đồng phụ trách
	giảng dạy có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn, đáp ứng được yêu cầu chương trình đào tạo và các quy định về tổ chức đào tạo có liên quan.	- Khoa Dược - Khoa Y	- Nguyễn T. Thúy Ngọc - Trần Xuân Quang
2	Tiêu chuẩn 4.2: Đội ngũ nhà giáo được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, năng lực và kinh nghiệm. Bảo đảm tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo giảng dạy; bảo đảm tỷ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo.	- Khoa ĐD-HS - Khoa Dược - Khoa Y	- Phùng T. Hải Yến - Nguyễn T. Thúy Ngọc - Trần Xuân Quang
3	Tiêu chuẩn 4.3: Có kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo bảo đảm về số lượng và chất lượng để thực hiện chương trình đào tạo. Nhà giáo tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo.	- Khoa ĐD-HS - Khoa Dược - Khoa Y	- Phùng T. Hải Yến - Nguyễn T. Thúy Ngọc - Trần Xuân Quang
4	Tiêu chuẩn 4.4: Nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của nhà giáo được xác định có tính hệ thống, có kế hoạch và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu. Nhà giáo định kỳ được học tập, bồi dưỡng, thực tập để cập nhật kiến thức, công nghệ, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp hoặc theo yêu cầu đặc thù của chương trình đào tạo.	Phòng TC-CB	Hà Thị Thanh Thảo
5	Tiêu chuẩn 4.5: Đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của khoa hoặc bộ môn triển khai chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ trong xây dựng, tổ chức triển khai chương trình đào tạo; định kỳ được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.	- Khoa ĐD-HS - Khoa Dược - Khoa Y	- Phùng T. Hải Yến - Nguyễn T. Thúy Ngọc - Trần Xuân Quang
6	Tiêu chuẩn 4.6: Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của khoa hoặc bộ môn triển khai chương trình đào tạo được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định. Thực hiện chính sách khuyến khích đối với nhà giáo, cán bộ quản lý có thành tích để cải tiến liên tục chất lượng của chương trình đào tạo.	Phòng TC-CB	Hà Thị Thanh Thảo
V	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và học liệu		
1	Tiêu chuẩn 5.1: Phòng học, phòng học chuyên môn hóa, khu vực thực hành, thực nghiệm bảo đảm quy chuẩn và tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành, các yêu cầu công nghệ và bền vững môi trường. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức	- Khoa ĐD-HS - Khoa Dược - Khoa Y	- Phùng T. Hải Yến - Nguyễn T. Thúy Ngọc - Trần Xuân Quang

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Đơn vị thực hiện	Thành viên hội đồng phụ trách
	khỏe, an toàn được xác định và triển khai bao gồm cả các nhu cầu, điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật và không phân biệt đối xử về giới.		
2	Tiêu chuẩn 5.2: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đầy đủ về số lượng, chủng loại và đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.	- Khoa ĐD-HS - Khoa Dược - Khoa Y	- Phùng T. Hải Yến - Nguyễn T. Thúy Ngọc - Trần Xuân Quang
3	Tiêu chuẩn 5.3: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, bố trí hợp lý, bảo đảm các yêu cầu sư phạm, an toàn sức khỏe và vệ sinh môi trường.	- Khoa ĐD-HS - Khoa Dược - Khoa Y	- Phùng T. Hải Yến - Nguyễn T. Thúy Ngọc - Trần Xuân Quang
4	Tiêu chuẩn 5.4: Trường ban hành và áp dụng quy trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu. Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; đáp ứng đầy đủ nhu cầu theo kế hoạch, tiến độ đào tạo và được tái sử dụng hiệu quả.	Phòng KH-TC	Hà Đức Toàn
5	Tiêu chuẩn 5.5: Thư viện, nguồn học liệu đầy đủ và phù hợp; được cập nhật và áp dụng những tiên bộ về công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng, bảo đảm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, nghiên cứu của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học và các hoạt động khác liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo.	Phòng KH-TC	Hà Đức Toàn
6	Tiêu chuẩn 5.6: Thiết bị, dụng cụ đào tạo, các điều kiện đào tạo trực tuyến phù hợp và được cập nhật đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	Phòng KH-TC	Hà Đức Toàn
VI	Tiêu chí 6 - Người học và hoạt động hỗ trợ người học		
1	Tiêu chuẩn 6.1: Các thông tin về ngành, nghề, chương trình đào tạo, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường và các chế độ, chính sách đối với người học được mô tả rõ ràng, đầy đủ, công khai.	Phòng CTCT-HSSV	Lê Phúc Hưng
2	Tiêu chuẩn 6.2: Người học được bảo đảm hưởng các chế độ, chính sách theo quy định, trong đó có chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	Phòng CTCT-HSSV	Lê Phúc Hưng
3	Tiêu chuẩn 6.3: Người học được tư vấn học tập, tạo điều kiện tham gia các hoạt động ngoại khóa, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao,	Phòng CTCT-HSSV	Lê Phúc Hưng

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Đơn vị thực hiện	Thành viên hội đồng phụ trách
	nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, tư vấn về thị trường lao động, việc làm và phát triển nghề nghiệp.		
4	Tiêu chuẩn 6.4: Các hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, hoạt động phong trào và các dịch vụ hỗ trợ khác giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm cho người học sau tốt nghiệp. Môi trường và cảnh quan sư phạm tạo thuận lợi cho hoạt động học tập, rèn luyện và phát triển cá nhân của người học.	Phòng CTCT-HSSV	Lê Phúc Hưng
VII	Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng		
1	Tiêu chuẩn 7.1: Các chính sách, quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, ban hành chương trình đào tạo được xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến.	Phòng ĐT&HTQT	Đỗ Thị Hương Liên
2	Tiêu chuẩn 7.2: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại các khu vực học tập, rèn luyện và các dịch vụ khác được giám sát, đánh giá và cải tiến.	Phòng CTCT HSSV	Lê Phúc Hưng
3	Tiêu chuẩn 7.3: Có hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp, sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình đào tạo.	Phòng KT ĐBCL	Lương Tất Thắng
4	Tiêu chuẩn 7.4: Trường thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng.	Phòng KT ĐBCL	Lương Tất Thắng
5	Tiêu chuẩn 7.5: Tỷ lệ tốt nghiệp, bỏ học và thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát, đối sánh (nếu có) để cải tiến chất lượng.	Phòng ĐT&HTQT	Đỗ Thị Hương Liên
6	Tiêu chuẩn 7.6: Dữ liệu về mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học chương trình đào tạo được xác lập và giám sát. Mức độ hài lòng của người tốt nghiệp, đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.	- Khoa ĐD-HS - Khoa Dược - Khoa Y	- Phùng T. Hải Yến - Nguyễn T. Thúy Ngọc - Trần Xuân Quang
7	Tiêu chuẩn 7.7: Tỷ lệ có việc làm, khởi nghiệp và tiếp tục học trình độ khác của người học sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh (nếu có) để cải tiến chất lượng. Trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% người	Phòng CTCT-HSSV	Lê Phúc Hưng

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Đơn vị thực hiện	Thành viên hội đồng phụ trách
	học tốt nghiệp có việc làm.		

Phụ lục 3:

DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-CDYT ngày tháng năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Phú Thọ.)

Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng	Đơn vị phụ trách
Tiêu chí 1: Sứ mạng, mục tiêu, tổ chức và quản lý				
Tiêu chuẩn 1.1: Sứ mạng, mục tiêu của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, định hướng phát triển của trường, phù hợp với yêu cầu nhân lực trong các chiến lược phát triển ngành/chiến lược phát triển kinh tế xã hội của quốc gia, địa phương và được công bố công khai.	1.1.01		Quyết định thành lập trường	P.TCCB
	1.1.02		Văn bản công bố sứ mạng, mục tiêu	
		1.1.03	QĐ về Quy định chức năng, nhiệm vụ của các khoa, phòng thuộc trường Cao đẳng Y tế Phú Thọ	
	1.1.04		Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2025–2030	
	1.1.05		Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Phú Thọ	
	1.1.06		QĐ phê duyệt kế hoạch phát triển nhân lực trong hệ thống khám bệnh, chữa bệnh	
	1.1.07		Website của Nhà trường: http://:cyp.edu.vn	
		1.1.08	Báo cáo kết quả khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động về các hoạt động của nhà trường (theo năm tự đánh giá)	
		1.1.09	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN	
		1.1.10	Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN	
	1.1.11		Báo cáo phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của tỉnh Phú Thọ đối với các ngành nghề được cấp phép của trường Cao đẳng Y tế Phú Thọ	
		1.1.12	Báo cáo tổng kết hàng năm về kết quả đánh giá thực hiện mục tiêu	
Tiêu chuẩn 1.2: Trường có quy chế về tổ	1.2.01		QĐ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Y tế	P.TCCB

chức và hoạt động, trong đó có phân công rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc trường, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu, cơ cấu ngành, nghề, quy mô đào tạo của trường.		<i>Phú Thọ</i>	
	1.1.03	<i>QĐ về Quy định chức năng, nhiệm vụ của các khoa, phòng thuộc trường Cao đẳng Y tế Phú Thọ</i>	
	1.1.09	<i>Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN</i>	
	1.1.10	<i>Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN</i>	
Tiêu chuẩn 1.3: Trường đã xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng.	1.2.02	<i>Báo cáo tổng kết công tác của các khoa, phòng, bộ môn và các đơn vị thuộc trường (theo năm tự đánh giá)</i>	P. KTĐBCL
	1.3.01	<i>QĐ về việc thành lập phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng của Hiệu trưởng trường CDYT Phú Thọ;</i>	
	1.3.02	<i>Quyết định về việc ban hành Hệ thống BĐCL Trường CD Y tế Phú Thọ</i>	
	1.3.03	<i>Tài liệu bảo đảm chất lượng được phê duyệt (chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng hàng năm, Sổ tay BĐCL, Các quy trình công cụ BĐCL)</i>	
	1.3.04	<i>Báo cáo hệ thống BĐCL của trường</i>	
	1.1.08	<i>Báo cáo kết quả khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động về các hoạt động của nhà trường</i>	
Tiêu chuẩn 1.4: Hằng năm, hệ thống bảo đảm chất lượng của trường được đánh giá và có biện pháp cải tiến nhằm tăng hiệu lực, hiệu quả quản lý.	1.3.05	<i>Kế hoạch cải tiến Hệ thống bảo đảm chất lượng</i>	P. KTĐBCL
	1.4.01	<i>Kế hoạch tự đánh giá hệ thống đảm bảo chất lượng</i>	
	1.4.02	<i>Báo cáo kết quả đánh giá hệ thống BĐCL nội bộ</i>	
	1.4.03	<i>Biên bản họp Hội đồng tự đánh giá và kế hoạch cải tiến</i>	
Tiêu chuẩn 1.5: Hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường (đảng ủy, ban giám hiệu đối với các trường thuộc lực lượng vũ trang), tổ chức đảng, đoàn thể và các hội đồng tư vấn khác được thành lập theo quy định; thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với sứ mạng, mục tiêu của	1.3.05	<i>Kế hoạch cải tiến Hệ thống bảo đảm chất lượng</i>	P. TCCB; VP ĐẢNG ỦY; CÔNG ĐOÀN; ĐTN; HĐT
	1.5.01	<i>Quyết định việc thành lập Hội đồng trường Trường CD Y tế Phú Thọ</i>	
	1.5.02	<i>Các Quyết nghị của Hội đồng trường</i>	
	1.5.03	<i>Quyết định thành lập các hội đồng tư vấn</i>	
	1.5.04	<i>Quyết định số/QĐ... ngày..... về việc thành lập Đảng bộ Trường Cao đẳng Y tế Phú Thọ</i>	
	1.5.05	<i>Nghị quyết Đảng bộ trường CDYTPT (theo năm tự đánh giá)</i>	
1.1.12	<i>Báo cáo tổng kết công tác của trường (theo năm tự đánh giá)</i>		

trường.	1.5.06		<i>Báo cáo tổng kết công tác hàng năm của Đảng bộ trường CDYTPT</i>	
	1.5.07		<i>Ý kiến đánh giá của cấp trên, Bằng khen, Giấy khen Đảng bộ trường</i>	
	1.5.08		<i>Quyết định số.../QĐ... ngày về việc thành lập Công đoàn Trường Cao đẳng Y tế Phú Thọ</i>	
	1.5.09		<i>Kế hoạch công tác của CĐCS (theo năm tự đánh giá)</i>	
	1.5.10		<i>Quyết định số.../QĐ... ngày về việc thành lập Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Trường Cao đẳng Y tế Phú Thọ</i>	
	1.5.11		<i>Quy chế hoạt động của Đoàn trường</i>	
	1.5.12		<i>Kế hoạch, chương trình công tác của Đoàn TNCSHCM (theo năm tự đánh giá)</i>	
	1.5.13		<i>Hình ảnh hoạt động của Đoàn TN (theo năm tự đánh giá)</i>	
	1.5.14		<i>Điều lệ Công đoàn Việt Nam</i>	
	1.5.15		<i>Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh</i>	
	1.5.16		<i>Báo cáo tổng kết công tác của Công đoàn, Đoàn TNCS (theo năm tự đánh giá)</i>	
	1.5.17		<i>Các chứng nhận CĐCS vững mạnh (theo năm tự đánh giá)</i>	
	1.5.18		<i>Các chứng nhận Đoàn TNCSHCM xuất sắc, tiêu biểu (theo năm tự đánh giá)</i>	
		1.1.08		<i>Báo cáo kết quả khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động về các hoạt động của nhà trường (theo năm tự đánh giá)</i>
Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo				
<i>Tiêu chuẩn 2.1:</i> Quy chế tuyển sinh và các kế hoạch, chính sách tuyển sinh được xây dựng, triển khai phù hợp chương trình đào tạo các ngành, nghề đào tạo của trường.	2.1.01		<i>QĐ ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ năm 2023, 2024, 2025</i>	ĐT- HTQT
	2.1.02		<i>Kế hoạch tuyển sinh hàng năm</i>	
<i>Tiêu chuẩn 2.2:</i> Trường tuyển sinh theo	2.2.01		<i>Các QĐ của UBND tỉnh Phú Thọ về việc giao chỉ tiêu kế hoạch hằng năm</i>	ĐT-

kế hoạch bảo đảm công bằng, khách quan và theo hướng nâng cao chất lượng đầu vào. Công tác tuyển sinh được kiểm tra, giám sát và cải tiến, bảo đảm tính phù hợp, hiệu quả.	2.2.02	<i>Các Quyết định thành lập HĐ tuyển sinh hằng năm</i>	HTQT	
	2.2.03	<i>Các kế hoạch tuyển sinh hằng năm</i>		
	2.2.04	<i>Các thông báo tuyển sinh hằng năm</i>		
	2.2.05	<i>Hồ sơ đăng ký học của học sinh, sinh viên hằng năm</i>		
	2.2.06	<i>Hồ sơ liên quan xét tuyển hằng năm (Các biên bản họp sơ tuyển, xét tuyển của HĐ TS năm 2023, 2024, 2025)</i>		
	2.2.07	<i>Các Quyết định phê duyệt danh sách trúng tuyển hằng năm</i>		
		2.2.08		<i>Các Quyết định mở lớp hằng năm</i>
	2.2.09	<i>Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh hằng năm</i>		
	2.2.10	<i>Biên bản thanh, kiểm tra công tác tuyển sinh hằng năm</i>		
	Tiêu chuẩn 2.3: Trường xây dựng, ban hành quy chế đào tạo, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp. Hình thức, phương thức, phương pháp đào tạo đa dạng, phù hợp với mục tiêu, nội dung của từng chương trình đào tạo.			2.3.01
		2.3.02	<i>Kế hoạch nhà giáo (theo năm tự đánh giá)</i>	
		2.3.03	<i>Bảng chấm công, sổ tay giáo viên, bảng tóm tắt nội dung môn học.</i>	
		2.3.04	<i>Kế hoạch thanh kiểm tra công tác đào tạo (theo năm tự đánh giá)</i>	
		2.3.05	<i>Biên bản dự giờ, kiểm tra về công tác đào tạo (theo năm tự đánh giá)</i>	
		2.3.06	<i>QĐ về việc ban hành quy chế đào tạo cao đẳng, trung cấp</i>	
2.3.07		<i>QĐ về việc ban hành quy định mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng.</i>		
	1.1.08	<i>Báo cáo kết quả khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động về các hoạt động của nhà trường (theo năm tự đánh giá)</i>		
Tiêu chuẩn 2.4: Trường xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo cho từng lớp, khóa học, học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến môđun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với hình thức đào tạo để người học đáp ứng chuẩn đầu ra.		2.2.08	<i>Các Quyết định mở lớp hằng năm</i>	ĐT- HTQT
		2.3.01	<i>Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo chi tiết của các lớp, khóa học</i>	
	2.4.02	<i>Quyết định ban hành chương trình đào tạo của nhà trường</i>		

Tiêu chuẩn 2.5: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động hoặc các tổ chức, cá nhân trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập.	2.5.01	<i>Hợp đồng với đơn vị sử dụng lao động về việc cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động</i>	ĐT- HTQT
	2.5.02	<i>Kế hoạch thực tập lâm sàng</i>	
	2.5.03	<i>Quyết định của hiệu trưởng nhà trường về việc cử người học đi thực hành, thực tập... tại đơn vị sử dụng lao động.</i>	
	2.5.04	<i>Quyết định cử giảng viên tham gia hướng dẫn thực tập lâm sàng</i>	
	2.5.05	<i>Đề cương thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động</i>	
	2.5.06	<i>Bảng điểm lâm sàng</i>	
	2.5.07	<i>Báo cáo kết quả thực hành, thực tập của giáo viên giảng dạy/hướng dẫn có sự xác nhận của đơn vị sử dụng lao động năm học</i>	
Tiêu chuẩn 2.6: Trường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo, bao gồm cả hình thức đào tạo từ xa (nếu có).	2.6.01	<i>Hợp đồng mua bản quyền phần mềm quản lý đào tạo</i>	ĐT- HTQT
	2.6.02	<i>Phần mềm quản lý đào tạo</i>	
	2.6.03	<i>Danh sách cấp tài khoản truy cập phần mềm của cán bộ, HSSV các năm</i>	
	2.6.04	<i>Danh sách phần mềm mô phỏng thực hành hoặc video bài giảng, tài liệu giảng dạy có sử dụng phần mềm.</i>	
Tiêu chuẩn 2.7: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động dạy, học theo đúng kế hoạch. Thực hiện biện pháp điều chỉnh kịp thời các hoạt động dạy và học theo đề xuất của báo cáo kiểm tra, giám sát để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.	1.1.08	<i>Báo cáo kết quả khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động về các hoạt động của nhà trường (theo năm tự đánh giá)</i>	ĐT- HTQT
	2.3.04	<i>Kế hoạch thanh kiểm tra công tác đào tạo (theo năm tự đánh giá)</i>	
	2.3.05	<i>Biên bản dự giờ, kiểm tra về công tác đào tạo (theo năm tự đánh giá)</i>	
	2.7.01	<i>Biên bản kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học hằng năm</i>	
	2.7.02	<i>Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học hằng năm</i>	
	2.7.03	<i>Danh sách các biện pháp, đề tài NCKH, SKKN về nâng cao chất lượng dạy và học hằng năm</i>	
	2.7.04	<i>Các đề nghị, thông báo điều chỉnh bổ sung kế hoạch giảng dạy hằng năm</i>	
1.1.08	<i>Báo cáo kết quả khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động về các hoạt động của nhà trường (theo năm tự đánh giá)</i>		
Tiêu chuẩn 2.8: Các hình thức, phương	2.8.01	<i>Báo cáo kết quả kiểm tra kết thúc học phần (theo năm tự đánh giá)</i>	ĐT-

pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của người học được thiết kế phù hợp; được rà soát, đánh giá, cải tiến để bảo đảm độ chính xác, công bằng, khách quan và định hướng người học đạt chuẩn đầu ra.	2.8.02		<i>Bảng tổng hợp kết quả rèn luyện (theo năm tự đánh giá)</i>	HTQT	
	2.8.03		<i>Quyết định Thành lập Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp (theo năm tự đánh giá)</i>		
	2.8.04		<i>Biên bản họp Hội đồng xét tốt nghiệp (theo năm tự đánh giá)</i>		
	2.8.05		<i>Quyết định công nhận tốt nghiệp (theo năm tự đánh giá)</i>		
	2.8.06		<i>Sổ cấp phát văn bằng các lớp tốt nghiệp (theo năm tự đánh giá)</i>		
	2.8.07		<i>Kế hoạch hằng năm về việc rà soát các quy định kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ</i>		
	2.8.08		<i>Báo cáo kết quả về việc rà soát các quy định kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ hằng năm</i>		
		1.1.08			<i>Báo cáo kết quả khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động về các hoạt động của nhà trường (theo năm tự đánh giá)</i>
Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động					
Tiêu chuẩn 3.1: Quy trình tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý của trường được ban hành và đưa vào áp dụng; hằng năm được rà soát, đánh giá để cải tiến.	3.1.01		<i>Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, lao động hợp đồng trường CDYT Phú Thọ</i>	P. TCCB	
	3.1.02		<i>Các Thông báo tuyển dụng (theo năm tự đánh giá)</i>		
	3.1.03		<i>Các Quyết định tuyển dụng (theo năm tự đánh giá)</i>		
		3.1.04			<i>Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ làm việc của giảng viên</i>
		3.1.05			<i>Kế hoạch về việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực quản lý cho giảng viên và cán bộ quản lý</i>
	3.1.06				<i>Tờ trình về Đề nghị phê duyệt quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý</i>
	3.1.07				<i>Các văn bản thực hiện công tác quy hoạch cán bộ</i>
	3.1.08				<i>Văn bản công nhận kết quả quy hoạch (theo năm đánh giá)</i>
	3.1.09				<i>Quyết định về tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá, phân loại của giảng viên</i>
	3.1.10				<i>Các Kế hoạch về việc đánh giá phân loại cán bộ công chức, viên chức</i>

	3.1.11		<i>Các Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại</i>	
	3.1.12		<i>Tổng hợp kết quả đánh giá xếp loại cán bộ quản lý, viên chức và người lao động</i>	
	3.1.13		<i>Quyết định về việc công nhận kết quả đánh giá xếp loại viên chức</i>	
Tiêu chuẩn 3.2: Trường thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động. Hằng năm, trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.	3.2.01		<i>Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động được hưởng chế độ, chính sách theo quy định</i>	P. TCCB
	3.2.02		<i>Báo cáo/văn bản tổng kết, biên bản thanh kiểm tra có nội dung thể hiện việc thực hiện chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động</i>	
		1.1.08	<i>Báo cáo kết quả khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động về các hoạt động của nhà trường</i>	
		3.1.05	<i>Kế hoạch về việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực quản lý cho giảng viên và cán bộ quản lý</i>	
Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác, bảo đảm về số lượng, cơ cấu ngành, nghề đáp ứng yêu cầu đào tạo của trường.		3.3.01	<i>Danh sách trích ngang nhà giáo, viên chức và người lao động</i>	P. TCCB
		3.3.02	<i>Danh sách hồ sơ quản lý cán bộ</i>	
		3.3.03	<i>Báo cáo về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo</i>	
		3.3.04	<i>Biên bản thanh kiểm tra trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo</i>	
		1.1.08	<i>Báo cáo kết quả khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động về các hoạt động của nhà trường</i>	
		3.1.04	<i>QĐ về việc ban hành quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ làm việc của giảng viên</i>	
		3.3.05	<i>Danh sách cán bộ, giảng viên được nhà trường cử đi học, nâng cao trình độ hàng năm</i>	
		3.3.06	<i>Quyết định cử đi học của cán bộ, giảng viên trong nhà trường</i>	
		3.3.07	<i>Báo cáo kết quả học tập của cán bộ, giảng viên nhà trường cử đi học, nâng cao trình độ hàng năm</i>	
Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo giảng dạy theo	3.4.01		<i>QĐ ban hành Chuẩn đầu ra các trình độ đào tạo</i>	P. TCCB

nội dung, mục tiêu, yêu cầu của chương trình đào tạo và thực hiện các quy định về tổ chức đào tạo có liên quan.	2.3.01	<i>Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo chi tiết của các lớp, khóa học</i>	
	3.1.04	<i>QĐ về việc ban hành quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ làm việc của giảng viên</i>	
	3.3.01	<i>Danh sách trích ngang nhà giáo, viên chức và người lao động (theo năm đánh giá)</i>	
	3.4.02	<i>Bảng tóm tắt nội dung môn học/ Sổ tay giảng viên</i>	
	3.4.03	<i>Biên bản dự giờ, kiểm tra công tác đào tạo</i>	
Tiêu chuẩn 3.5: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.	3.5.01	<i>Quy chế chi tiêu nội bộ (theo năm tự đánh giá)</i>	P.TCCB
	3.5.02	<i>Báo cáo/văn bản thể hiện nhu cầu bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.</i>	
	3.1.05	<i>Kế hoạch về việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực quản lý cho giảng viên và cán bộ quản lý</i>	
	3.3.07	<i>Báo cáo kết quả học tập và bồi dưỡng cán bộ, lãnh đạo quản lý và nhà giáo .</i>	
Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo định kỳ được học tập, bồi dưỡng, thực tập để cập nhật kiến thức, công nghệ, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp hoặc theo yêu cầu đặc thù của ngành, nghề đào tạo.	3.1.05	<i>Kế hoạch về việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực quản lý cho giảng viên và cán bộ quản lý</i>	P. TCCB
	3.6.01	<i>Các kế hoạch cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy hàng năm</i>	
	3.6.02	<i>Các Quyết định và Danh sách cử đi học tập, bồi dưỡng của giáo viên hàng năm</i>	
	3.6.03	<i>Bảng cấp, chứng chỉ, giấy chứng nhận của các lớp tập huấn hàng năm</i>	
	3.6.04	<i>Hình ảnh giáo viên đi học tập, bồi dưỡng hàng năm</i>	
	3.5.03	<i>Báo cáo kết quả học tập và bồi dưỡng cán bộ, lãnh đạo quản lý và nhà giáo.</i>	
Tiêu chuẩn 3.7: Đội ngũ cán bộ quản lý	3.7.01	<i>Báo cáo tổng kết công tác của các của các khoa, phòng, bộ môn và các</i>	P. TCCB

<p>của trường đáp ứng các tiêu chuẩn và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao. Đội ngũ viên chức, người lao động đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao. Cán bộ quản lý, viên chức, người lao động định kỳ được bồi dưỡng, cập nhật nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.</p>			<i>đơn vị thuộc trường (theo năm tự đánh giá)</i>		
		1.5.06	<i>Báo cáo tổng kết công tác của trường (theo năm tự đánh giá)</i>		
		3.3.01	<i>Danh sách trích ngang nhà giáo, viên chức và người lao động</i>		
		3.7.02	<i>Hồ sơ cán bộ của Trường/Phó các đơn vị trong trường.</i>		
		3.7.03	<i>Phiếu đánh giá cán bộ hàng năm đối với cán bộ quản lý</i>		
		3.1.05	<i>Kế hoạch về việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực quản lý cho giảng viên và cán bộ quản lý</i>		
		3.7.04	<i>Văn bản về việc cử đội ngũ cán bộ quản lý tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng hàng năm</i>		
		3.7.05	<i>Văn bản/tài liệu/hình ảnh về việc đội ngũ cán bộ quản lý đã tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng hàng năm</i>		
	3.7.06	<i>Danh sách nhà giáo cơ hữu được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.</i>			
Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình					
<p>Tiêu chuẩn 4.1: Trường ban hành và áp dụng quy trình bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo. Quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan.</p>	4.1.01		<i>Các quyết định thành lập các ban biên soạn CTĐT các hệ các ngành</i>	ĐT-HTQT	
	4.1.02		<i>Các quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT</i>		
	4.1.03		<i>Các biên bản trong quá trình biên soạn/lựa chọn, thẩm định chương trình đào tạo (trình độ cao đẳng chính quy thiếu dinh dưỡng, trình độ trung cấp thiếu kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng)</i>		
		4.1.04			<i>Các Quyết định ban hành CTĐT</i>
		4.1.05			<i>Danh sách CBQL, NG, ĐVSĐLĐ tham gia xây dựng CTĐT</i>
		4.1.06			<i>Các biên bản lấy ý kiến chuyên gia</i>
<p>Tiêu chuẩn 4.2: Trường ban hành đầy đủ các chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo mà trường được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.</p>		1.2.03	<i>Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN</i>	ĐT-HTQT	
		1.2.04	<i>Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN</i>		
		4.2.01			<i>Bộ chương trình đào tạo</i>
		4.2.02			<i>Danh sách các ngành, nghề tổ chức đào tạo (theo năm đánh giá)</i>
		4.2.03			<i>Chuẩn đầu ra các ngành, nghề đào tạo</i>

Tiêu chuẩn 4.3: Chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp, phù hợp với mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp, yêu cầu của ngành, nghề đào tạo và được công bố công khai.	4.3.01	<i>Quy định/quy trình xây dựng, ban hành và rà soát chuẩn đầu ra của trường.</i>	ĐT- HTQT
		4.2.03 <i>Chuẩn đầu ra các ngành, nghề đào tạo</i>	
	4.3.02	<i>Biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình có xem xét CDR.</i>	
	4.3.03	<i>Biên bản góp ý của doanh nghiệp, chuyên gia, cựu sinh viên.</i>	
Tiêu chuẩn 4.4: Các chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến chất lượng để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và sự phát triển của ngành, địa phương.		4.1.04 <i>Các Quyết định ban hành CTĐT</i>	ĐT- HTQT
		4.2.01 <i>Bộ chương trình đào tạo</i>	
	4.4.01	<i>Các QĐ về việc ban hành CTĐT chỉnh sửa</i>	
	4.4.02	<i>Chương trình đào tạo đã được cập nhật và điều chỉnh</i>	
	4.4.03	<i>Danh mục các tài liệu tham khảo nước ngoài</i>	
	4.4.04	<i>Danh mục Chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài đã được tham khảo/ Thông tin về những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến được cập nhật</i>	
	4.4.05	<i>Báo cáo về việc sử dụng kết quả tham khảo chương trình nước ngoài có liên quan đến chương trình đang đào tạo</i>	
Tiêu chuẩn 4.5: Trường ban hành và áp dụng quy trình bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo. Quá trình xây dựng và thẩm định giáo trình đào tạo có sự tham gia của chuyên gia, cán bộ quản lý có kinh nghiệm của ngành, nghề đào tạo và các bên liên quan.	4.5.01	<i>Quy định hoặc quy trình xây dựng, thẩm định, phê duyệt giáo trình</i>	ĐT- HTQT
	4.5.02	<i>Kế hoạch xây dựng giáo trình của các khoa</i>	
	4.5.03	<i>Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình</i>	
	4.5.04	<i>Biên bản họp, phiếu góp ý của chuyên gia, doanh nghiệp</i>	
		4.5.05	
Tiêu chuẩn 4.6: Trường ban hành đầy đủ giáo trình các mô đun, môn học của chương trình đào tạo. Các giáo trình cụ		1.2.03 <i>Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN</i>	ĐT- HTQT
		1.2.04 <i>Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN</i>	
	4.6.01	<i>Các QĐ về việc ban hành GTĐT chỉnh sửa</i>	

<i>thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng môđun, môn học trong chương trình đào tạo và phù hợp với phương pháp dạy học.</i>		4.2.02	<i>Danh sách các ngành, nghề tổ chức đào tạo (theo năm đánh giá)</i>	
		4.5.05	<i>Quyết định phê duyệt và danh mục giáo trình đã ban hành</i>	
	4.6.02		<i>Danh sách thống kê giáo trình cho từng môđun, môn học của các chương trình đào tạo</i>	
	4.6.03		<i>Bản in các giáo trình của các môđun, môn học của chương trình đào tạo.</i>	
	4.6.04		<i>Biên bản nghiệm thu giáo trình của hội đồng thẩm định</i>	
		1.1.08	<i>Báo cáo kết quả khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động về các hoạt động của nhà trường (theo năm tự đánh giá)</i>	
<i>Tiêu chuẩn 4.7:</i> Các giáo trình định kỳ được rà soát, đánh giá và cập nhật theo quy định, đáp ứng sự thay đổi của chương trình đào tạo.	4.7.01		<i>Quy định về rà soát, cập nhật giáo trình</i>	ĐT- HTQT
	4.7.02		<i>Kế hoạch rà soát giáo trình hằng năm</i>	
	4.7.03		<i>Biên bản họp hội đồng rà soát</i>	
	4.7.04		<i>Báo cáo tổng hợp kết quả rà soát</i>	
	4.7.05		<i>Danh mục giáo trình đã cập nhật và quyết định phê duyệt</i>	
Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo:				
<i>Tiêu chuẩn 5.1:</i> Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ quản lý thiết bị, xưởng thực hành, phòng học, các phòng công năng khác đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu, dịch vụ người học và các hoạt động khác của trường.	5.1.01		<i>Các qui định tiêu chuẩn về giảng đường, phòng thực hành, phòng học chuyên môn hóa (của NN hoặc của cơ quan chủ quản nếu có)</i>	P. KHTC
	5.1.02		<i>Quy định của trường về sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa.</i>	
	5.1.03		<i>Báo cáo/văn bản về sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa. (Báo cáo kiểm kê hàng năm)</i>	
		1.1.08	<i>Báo cáo kết quả khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động về các hoạt động của nhà trường (theo năm tự đánh giá)</i>	
		5.1.04	<i>Danh mục các thiết bị đào tạo (xuất xứ, năm, nước sản xuất, nhà sản xuất) và quy định về sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo của nhà sản xuất.</i>	
	5.1.05		<i>Văn bản quy định về bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật.</i>	
<i>Tiêu chuẩn 5.2:</i> Quy hoạch tổng thể các	5.2.01		<i>Hồ sơ xây dựng, thiết kế mặt bằng khuôn viên trường.</i>	P. KHTC

khuôn viên của trường phù hợp với công năng, bền vững về môi trường. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường theo quy chuẩn và tiêu chuẩn hiện hành, đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt.	5.2.02	<i>QĐ về việc giao hợp thức và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho trường; Báo cáo kê khai trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị</i>	
	5.2.03	<i>Danh mục cây xanh; Hợp đồng khoán việc chăm sóc cây xanh</i>	
	5.2.04	<i>Báo cáo diện tích đất Trường, diện tích các công trình xây dựng</i>	
	5.2.05	<i>Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường: đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy.</i>	
	5.2.06	<i>Hệ thống cấp nước chung cho khu học tập và sinh hoạt.</i>	
	5.2.07	<i>Văn bản của cơ quan có thẩm quyền đánh giá đối với hệ thống xử lý nước thải, chất thải.</i>	
	5.2.08	<i>Biên bản kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ</i>	
	5.2.09	<i>Văn bản quy định về bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật.</i>	
	5.2.10	<i>Kế hoạch tu bảo dưỡng hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất hằng năm</i>	
	5.2.11	<i>Hợp đồng thi công xây dựng công trình sửa chữa các hạng mục của Nhà trường</i>	
	1.1.08	<i>Báo cáo kết quả khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động về các hoạt động của nhà trường (theo năm tự đánh giá)</i>	
Tiêu chuẩn 5.3: Khu hiệu bộ, khu học lý thuyết, khu học thực hành, khu rèn luyện thể chất, khu phục vụ và các hạng mục khác phục vụ sinh hoạt cho người học, nhà giáo có cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo, bảo đảm các yêu cầu công nghệ và bảo vệ môi trường.	5.3.01	<i>Báo cáo thống kê diện tích, số lượng phòng học, xưởng, khu thể chất</i>	P. KHTC
	5.1.04	<i>Danh mục thiết bị, máy móc phục vụ đào tạo theo từng ngành</i>	
	5.3.02	<i>Sơ đồ tổng thể khuôn viên trường</i>	
	5.2.05	<i>Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường: đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy.</i>	
	5.2.10	<i>Kế hoạch tu bảo dưỡng hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất hằng năm</i>	
Tiêu chuẩn 5.4: Các tiêu chuẩn về môi	5.2.08	<i>Biên bản kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ</i>	P. KHTC
	5.4.01	<i>Quy định, hướng dẫn về an toàn, sức khỏe nghề nghiệp, bảo vệ môi trường</i>	

trường, an toàn, sức khỏe nghề nghiệp được trường xác định và triển khai, bao gồm cả các nhu cầu, các điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật (nếu có) và không phân biệt đối xử về giới.	5.4.02	<i>Quyết định phân công phụ trách công tác an toàn – y tế – môi trường</i>	
	5.4.03	<i>Kế hoạch, biên bản, hình ảnh các buổi tập huấn PCCC, sơ cấp cứu, vệ sinh môi trường</i>	
	5.2.07	<i>Văn bản của cơ quan có thẩm quyền đánh giá đối với hệ thống xử lý nước thải, chất thải.</i>	
	5.2.08	<i>Biên bản kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ</i>	
	5.2.09	<i>Văn bản quy định về bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật.</i>	
	5.4.04	<i>Kế hoạch bảo dưỡng hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất hằng năm</i>	
Tiêu chuẩn 5.5: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo và được quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, bố trí hợp lý, bảo đảm các yêu cầu sự phạm, an toàn sức khỏe, vệ sinh môi trường.	5.1.04	<i>Danh mục các thiết bị đào tạo (xuất xứ, năm, nước sản xuất, nhà sản xuất) và quy định về sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo của nhà sản xuất.</i>	P. KHTC
	5.5.01	<i>Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành.</i>	
	5.5.02	<i>Báo cáo kiểm kê hàng năm</i>	
	5.5.03	<i>Thống kê số lượng người học tại mỗi lớp học lý thuyết và thực hành của các môđun, môn học của chương trình đào tạo. (theo năm tự đánh giá)</i>	
	1.1.08	<i>Báo cáo kết quả khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động về các hoạt động của nhà trường (theo năm tự đánh giá)</i>	
	5.5.04	<i>Sơ đồ/hình ảnh bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo.</i>	
	5.5.05	<i>Hồ sơ thiết kế, lắp đặt; hồ sơ quản lý các thiết bị, dụng cụ.</i>	
	5.4.04	<i>Kế hoạch bảo dưỡng hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất hằng năm</i>	
Tiêu chuẩn 5.6: Trường ban hành và áp dụng quy trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu. Nguyên, nhiên, vật liệu	5.2.09	<i>Văn bản quy định về bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật.</i>	P. KHTC
	5.6.01	<i>Văn bản quy định của Trường về định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế kỹ thuật trong đào tạo.</i>	

được bố trí hợp lý, đáp ứng đầy đủ nhu cầu theo kế hoạch, tiến độ đào tạo và được tái sử dụng hiệu quả.	5.6.02		<i>Văn bản quy định của Trường về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo.</i>	
	5.6.03		<i>Hệ thống sổ sách theo dõi việc quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo.</i>	
	5.6.04		<i>Các đề xuất nhu cầu về vật tư phục vụ đào tạo theo từng học kỳ, năm học của các đơn vị liên quan đến thực hiện chương trình đào tạo.</i>	
		1.1.08	<i>Báo cáo kết quả khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động về các hoạt động của nhà trường (theo năm tự đánh giá)</i>	
Tiêu chuẩn 5.7: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc điện tử; phòng đọc của cán bộ, nhà giáo; phòng đọc của người học; kho sách bảo đảm tiêu chuẩn thiết kế và định mức diện tích sử dụng.	5.7.01		<i>Quyết định thành lập thư viện và quy chế hoạt động</i>	P. KHTC
	5.7.02		<i>Sơ đồ bố trí, bản vẽ, hoặc hình ảnh khu thư viện</i>	
	5.7.03		<i>Danh mục trang thiết bị phòng đọc điện tử và số lượng máy tính</i>	
	5.7.04		<i>Danh mục học liệu, giáo trình, tạp chí, tài liệu số</i>	
	5.7.05		<i>Biên bản kiểm kê sách và kế hoạch bổ sung tài liệu hằng năm</i>	
	5.7.06		<i>Hình ảnh phòng đọc giảng viên, phòng đọc sinh viên, kho sách</i>	
	5.7.07		<i>Hướng dẫn sử dụng phần mềm quản lý thư viện hoặc thư viện điện tử</i>	
Tiêu chuẩn 5.8: Thư viện, nguồn học liệu đầy đủ và phù hợp, được cập nhật, áp dụng những tiến bộ về công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng, bảo đảm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, nghiên cứu của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động và người học.	5.8.01		<i>Kế hoạch cập nhật và phát triển nguồn học liệu.</i>	P. KHTC
	5.8.02		<i>Danh mục giáo trình, tài liệu, sách, tạp chí, tài liệu số cho từng ngành/nghề.</i>	
	5.8.03		<i>Báo cáo thống kê số lượng tài liệu (in và điện tử).</i>	
		1.1.08	<i>Báo cáo kết quả khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động về các hoạt động của nhà trường (theo năm tự đánh giá)</i>	
	5.8.04		<i>Báo cáo sử dụng thư viện (lượt mượn, truy cập, người dùng).</i>	
	5.8.05		<i>Hướng dẫn sử dụng phần mềm hoặc tài khoản truy cập học liệu số.</i>	
Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế:				
Tiêu chuẩn 6.1: Trường ban hành quy định và thực hiện chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo, viên		3.5.01	<i>Quy chế chi tiêu nội bộ (theo năm tự đánh giá)</i>	ĐT- HTQT
	6.1.01		<i>Quyết định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ trong trường</i>	
	6.1.02		<i>Quy chế thi đua, khen thưởng</i>	

chức, người lao động và người học tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến, chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo và phục vụ cộng đồng.	6.1.03		<i>Hồ sơ khen thưởng (theo năm tự đánh giá)</i>	
		6.1.04	<i>Danh sách đề tài NCKH & sáng kiến cải tiến (theo năm tự đánh giá)</i>	
		6.1.05	<i>Danh sách cán bộ giáo viên tham gia NCKH (theo năm tự đánh giá)</i>	
	6.1.06		<i>Danh sách luận văn thạc sỹ, tiến sỹ của nhà giáo</i>	
	6.1.07		<i>Hồ sơ thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học (theo năm tự đánh giá)</i>	
		6.1.08	<i>Danh sách bài báo nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học trong nước và quốc tế (theo năm tự đánh giá)</i>	
	6.1.09		<i>Bảng thống kê các khoản chi phí hỗ trợ CBGV tham gia nghiên cứu khoa học (theo năm tự đánh giá)</i>	
		1.1.08	<i>Báo cáo kết quả khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động về các hoạt động của nhà trường (theo năm tự đánh giá)</i>	
Tiêu chuẩn 6.2: Hằng năm, trường có tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên, được ứng dụng, phục vụ trực tiếp công tác đào tạo của trường và phục vụ cộng đồng.	6.2.01		<i>Các kế hoạch triển khai, thực hiện công tác NCKH (theo năm tự đánh giá)</i>	ĐT- HTQT
		6.1.04	<i>Danh sách đề tài NCKH & sáng kiến cải tiến (theo năm tự đánh giá)</i>	
		6.1.05	<i>Danh sách cán bộ giáo viên tham gia NCKH (theo năm tự đánh giá)</i>	
	6.2.02		<i>Hồ sơ thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học hằng năm</i>	
	6.2.03		<i>Báo cáo nghiệm thu kết quả đề tài NCKH</i>	
	6.2.04		<i>Văn bản/tài liệu thể hiện việc ứng dụng thực tiễn của các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến.</i>	
Tiêu chuẩn 6.3: Hằng năm, trường có các bài báo của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các tạp chí chuyên ngành hoặc ấn phẩm tương đương.		6.1.08	<i>Danh sách bài báo nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học trong nước và quốc tế (theo năm tự đánh giá)</i>	ĐT- HTQT
Tiêu chuẩn 6.4: Có hoạt động hợp tác với các trường hoặc các tổ chức, cá nhân nước ngoài góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	6.4.01		<i>Hợp đồng hợp tác với các trường hoặc tổ chức nước ngoài</i>	ĐT- HTQT
	6.4.02		<i>Thỏa thuận hợp tác các trường hoặc tổ chức nước ngoài</i>	
	6.4.03		<i>Văn bản thể hiện kết quả liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế.</i>	

	6.4.04		<i>Văn bản thể hiện kết quả tuyển sinh tại Lào (Kế hoạch tuyển sinh, văn bản thể hiện địa phương của Lào cho học sinh sang Việt Nam học...)</i>		
	6.4.05		<i>Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán. (theo năm tự đánh giá)</i>		
	6.4.06		<i>Biên bản xét duyệt quyết toán (theo năm tự đánh giá)</i>		
	6.4.07		<i>Biên bản thanh kiểm tra, kiểm toán (theo năm tự đánh giá)</i>		
	6.4.08		<i>Báo cáo về công tác gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp</i>		
Tiêu chí 7: Người học và hoạt động hỗ trợ người học					
Tiêu chuẩn 7.1: Các thông tin về ngành, nghề, chương trình đào tạo và việc tổ chức thực hiện quy chế đào tạo, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường và các chế độ, chính sách đối với người học được mô tả rõ ràng, đầy đủ và công khai.	7.1.01		<i>Sổ tay HSSV</i>	P. CTCT-HSSV	
	7.1.02		<i>Kế hoạch Giáo dục chính trị đầu khóa cho sinh viên</i>		
		2.3.06			<i>QĐ về việc ban hành quy chế đào tạo cao đẳng, trung cấp</i>
	7.1.03		<i>Nội quy HSSV trường CDYT Phú Thọ</i>		
	7.1.04		<i>Các thông báo về chính sách ưu tiên cho SV (theo năm tự đánh giá)</i>		
	7.1.05		<i>Phổ biến về quy chế đào tạo, kiểm tra, thi, xét tốt nghiệp</i>		
Tiêu chuẩn 7.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định, bảo đảm quyền lợi của người học, tạo điều kiện cho người học thuộc đối tượng chính sách có cơ hội tiếp cận học nghề, lập nghiệp. Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.		1.1.08	<i>Báo cáo kết quả khảo sát người học về các hoạt động của nhà trường (theo năm tự đánh giá)</i>	P. CTHSSV	
	7.2.01		<i>Bảng thống kê các chính sách, chế độ hỗ trợ đối với người học thuộc đối tượng ưu tiên và các chính sách xã hội khác mà trường đã và đang áp dụng (theo năm tự đánh giá)</i>		
	7.2.02		<i>Danh sách chi trả kinh phí hỗ trợ sinh viên hằng năm; Chi tiết quyết toán cấp bù học phí cho sinh viên theo nghị định 86/2015/NĐCP hằng năm</i>		
	7.2.03		<i>Quyết định HSSV hưởng chính sách nội trú (theo năm tự đánh giá)</i>		
	7.2.04		<i>Sổ theo dõi xác nhận các chế độ chính sách HSSV (theo năm tự đánh giá)</i>		
		1.5.06	<i>Báo cáo tổng kết công tác của trường (theo năm tự đánh giá)</i>		
Tiêu chuẩn 7.3: Trường có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện; hỗ trợ kịp	7.3.01		<i>QĐ các tiêu chuẩn về danh hiệu thi đua khen thưởng đối với học sinh sinh viên và cá nhân học sinh sinh viên</i>	P. CTHSSV	
	7.3.02		<i>Các quyết định khen thưởng, khuyến khích người học</i>		
		1.5.06	<i>Báo cáo tổng kết công tác của trường (theo năm tự đánh giá)</i>		

thời cho người học trong quá trình học tập để hoàn thành nhiệm vụ học tập.		1.1.08	<i>Báo cáo kết quả khảo sát người học về các hoạt động của nhà trường (theo năm tự đánh giá)</i>	
Tiêu chuẩn 7.4: Người học được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, nghiên cứu khoa học và các hoạt động xã hội khác để phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực.	7.4.01		<i>Kế hoạch về hoạt động văn hóa – thể thao – nghiên cứu khoa học.</i>	P. CTHSSV
	7.4.02		<i>Quy chế hoạt động của các CLB, đội nhóm</i>	
	7.4.03		<i>Kế hoạch phong trào Đoàn – Hội, các chương trình rèn luyện kỹ năng mềm</i>	
	7.4.04		<i>Báo cáo tổng kết phong trào Đoàn – Hội.</i>	
	7.4.05		<i>Thành tích trong các cuộc thi cấp trường, cấp tỉnh, quốc gia.</i>	
	7.4.06		<i>Chính sách khen thưởng, tuyên dương sinh viên tiêu biểu.</i>	
Tiêu chuẩn 7.5: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát, quản lý người học được định kỳ rà soát và cải tiến để đáp ứng nhu cầu của người học và các bên liên quan.	7.5.01		<i>Quy chế công tác HSSV.</i>	P. CTHSSV
	7.5.02		<i>Quy định quản lý, giám sát người học bằng CNTT.</i>	
	7.5.03		<i>Quy trình giám sát, theo dõi, đánh giá người học.</i>	
		1.1.08	<i>Báo cáo kết quả khảo sát người học về các hoạt động của nhà trường (theo năm tự đánh giá)</i>	
	7.5.04		<i>Báo cáo tổ chức hoạt động tư vấn học tập, hướng nghiệp, y tế, học bổng.</i>	
	7.5.05		<i>Biên bản họp tổng kết, đánh giá công tác hỗ trợ người học.</i>	
	7.5.06		<i>Kế hoạch hỗ trợ người học (theo năm học)</i>	
7.5.07		<i>Báo cáo thực hiện tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp</i>		
Tiêu chí 8: Giám sát, đánh giá chất lượng				
Tiêu chuẩn 8.1: Tỷ lệ tốt nghiệp của người học và tỷ lệ bỏ học được xác lập, giám sát, đối sánh (nếu có) để cải tiến.	8.1.01		<i>Quy trình theo dõi, thống kê người học.</i>	P. CTHSSV
	8.1.02		<i>Báo cáo tỷ lệ tốt nghiệp hàng năm</i>	
	8.1.03		<i>Thống kê số lượng bỏ học hàng năm</i>	
	8.1.04		<i>Biên bản họp xét lên lớp, học lại, cảnh báo học tập.</i>	
Tiêu chuẩn 8.2: Trường triển khai hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của người		8.2.01	<i>Quyết định ban hành quy trình khảo sát các bên liên quan</i>	KTĐBCL
		8.2.02	<i>Kế hoạch thu thập ý kiến các bên liên quan</i>	
	8.2.03		<i>Danh sách đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến hàng năm</i>	
	8.2.04		<i>Phương pháp thu thập ý kiến đã thực hiện và văn bản/tài liệu/thông tin kèm</i>	

tốt nghiệp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm cơ sở để đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ của trường.			<i>theo.</i>	
		1.1.08	<i>Báo cáo kết quả khảo sát đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của sinh viên tốt nghiệp hàng năm</i>	
Tiêu chuẩn 8.3: Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo; sử dụng kết quả khảo sát để thực hiện đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo.		8.2.01	<i>Quyết định ban hành quy trình khảo sát các bên liên quan</i>	KTĐBCL
		8.2.01	<i>Kế hoạch thu thập ý kiến các bên liên quan</i>	
		8.3.01	<i>Phiếu khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý</i>	
		8.3.02	<i>Báo cáo kết quả khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý</i>	
		3.5.01	<i>Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm.</i>	
Tiêu chuẩn 8.4: Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ khảo sát người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức đào tạo, về chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường; sử dụng kết quả khảo sát để thực hiện đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo.		8.2.01	<i>Quyết định ban hành quy trình khảo sát các bên liên quan</i>	KTĐBCL
		8.2.01	<i>Kế hoạch thu thập ý kiến các bên liên quan</i>	
		8.4.01	<i>Phiếu khảo sát ý kiến người học</i>	
		1.1.08	<i>Báo cáo kết quả khảo sát người học về các hoạt động của nhà trường (theo năm tự đánh giá)</i>	
Tiêu chuẩn 8.5: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng, có kế hoạch thực hiện kiểm định chất lượng trường; có kế hoạch và biện pháp để thực hiện		8.5.01	<i>Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN</i>	KTĐBCL
		8.5.02	<i>Kế hoạch tự đánh giá chất lượng CS GDNN</i>	
		8.5.03	<i>Báo cáo tự đánh giá (theo năm tự đánh giá)</i>	
		8.5.04	<i>Links báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN đăng web trường (theo</i>	

việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).		<i>năm tự đánh giá)</i>	
	8.5.05	<i>Kế hoạch khắc phục các tiêu chuẩn không đạt trong các tiêu chí tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN (theo năm tự đánh giá)</i>	
	8.5.06	<i>Báo cáo thực hiện khắc phục các tiêu chuẩn không đạt (theo năm tự đánh giá)</i>	
Tiêu chuẩn 8.6: Trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% người học tốt nghiệp có việc làm.	8.6.01	<i>Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách người học đã tốt nghiệp hàng.</i>	P. CTHSSV
	8.6.02	<i>Danh sách người học tốt nghiệp được khảo sát có việc làm tại doanh nghiệp</i>	
	8.6.03	<i>Kế hoạch/phương án điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm hàng năm.</i>	
	8.6.04	<i>Phiếu khảo sát người học tốt nghiệp (theo năm tự đánh giá)</i>	
	8.6.05	<i>Bảng tổng hợp kết quả khảo sát và báo cáo tổng kết khảo sát người học tốt nghiệp có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo (theo năm tự đánh giá)</i>	

Phụ lục 4:**DANH MỤC MINH CHỨNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO***(Kèm theo Kế hoạch số /KH-CDYT ngày tháng năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Phú Thọ.)*

Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Mã minh chứng	Mã minh chứng dùng chung	Tên minh chứng	Đơn vị phụ trách
Tiêu chí 1 - Mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo				
Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng của trường, mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp và nhu cầu của thị trường lao động.		1.1.01	<i>Quyết định ban hành CTĐT</i>	Khoa ĐD-HS; Khoa Dược; Khoa Y
	1.1.02		<i>Văn bản sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của trường.</i>	
	1.1.03		<i>Đề án xây dựng hoặc điều chỉnh chương trình đào tạo.</i>	
		1.1.04	<i>Biên bản họp Hội đồng khoa học & đào tạo phê duyệt mục tiêu CTĐT.</i>	
		1.1.05	<i>Biên bản góp ý chương trình từ các chuyên gia, đơn vị sử dụng lao động</i>	
	1.1.06		<i>Trang web đăng tải mục tiêu CTĐT</i>	
		1.1.07	<i>Báo cáo khảo sát các bên liên quan</i>	
Tiêu chuẩn 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp, yêu cầu của ngành, nghề đào tạo, nhu cầu của người học, đơn vị sử dụng lao động, các bên liên quan khác và được công bố công khai.		1.2.01	<i>Quyết định ban hành chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.</i>	Khoa ĐD-HS; Khoa Dược; Khoa Y
		1.1.04	<i>Biên bản họp Hội đồng khoa học & đào tạo phê duyệt mục tiêu CTĐT.</i>	
	1.2.02		<i>Phiếu góp ý từ doanh nghiệp, giảng viên, sinh viên về dự thảo CDR.</i>	
	1.2.03		<i>Thông tư quy định chuẩn chương trình đào tạo của Bộ LĐTBXH</i>	
	1.2.04		<i>Báo cáo điều chỉnh CDR dựa trên phản hồi của nhà tuyển dụng.</i>	
	1.2.05		<i>Trang web đăng tải CDR</i>	
	1.1.07	<i>Báo cáo khảo sát các bên liên quan</i>		
Tiêu chuẩn 1.3: Chuẩn đầu ra của chương	1.3.01		<i>Quyết định ban hành hoặc cập nhật chuẩn đầu ra có nội dung về</i>	Khoa ĐD-HS;

trình đào tạo được tích hợp năng lực số cho phù hợp với yêu cầu của chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp.			<i>năng lực số.</i>	Khoa Dược; Khoa Y	
	1.3.02		<i>Biên bản họp Hội đồng KH&ĐT về tích hợp năng lực số</i>		
	1.3.03		<i>Kế hoạch chuyển đổi số</i>		
	1.3.04		<i>Trang web đăng tải CDR có năng lực số</i>		
1.3.05			<i>Văn bản hướng dẫn hoặc đề án của Tổng cục GDNN về chuyển đổi số và năng lực số.</i>		
Tiêu chí 2: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo, giáo trình					
Tiêu chuẩn 2.1: Chương trình đào tạo có đầy đủ thông tin, cấu trúc logic, có tính linh hoạt và được cập nhật, phê duyệt, ban hành.	2.1.01		<i>Bộ chương trình đào tạo hoàn chỉnh (gồm: mục tiêu, chuẩn đầu ra, thời lượng, danh mục mô-đun/học phần, đề cương chi tiết).</i>	Khoa ĐD-HS; Khoa Dược; Khoa Y	
	2.1.02		<i>Biên bản họp Hội đồng khoa học & đào tạo về điều chỉnh chương trình.</i>		
	2.1.03		<i>Sơ đồ cấu trúc chương trình thể hiện logic sắp xếp giữa các học phần.</i>		
		2.1.04			<i>Báo cáo rà soát, cập nhật chương trình định kỳ</i>
	2.1.05				<i>Biên bản thẩm định chương trình của Hội đồng thẩm định cấp trường.</i>
		1.1.01		<i>Quyết định phê duyệt và ban hành chương trình đào tạo</i>	
Tiêu chuẩn 2.2: Nội dung chương trình đào tạo đáp ứng sự thay đổi của khoa học, công nghệ, yêu cầu trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và nhu cầu của thị trường lao động hoặc của ngành, địa phương.		2.2.01		Khoa ĐD-HS; Khoa Dược; Khoa Y	
		2.2.02			<i>Quy định/Quy trình rà soát, cập nhật CTĐT định kỳ</i>
		1.1.05			<i>Biên bản góp ý chương trình từ các chuyên gia, đơn vị sử dụng lao động</i>
		1.1.07			<i>Báo cáo khảo sát các bên liên quan</i>
		2.2.03			<i>Danh sách các học phần, mô-đun cập nhật công nghệ mới</i>
Tiêu chuẩn 2.3: Chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển dựa trên nhu cầu và phản hồi của các bên liên quan, bảo đảm đạt được chuẩn đầu ra. Mỗi môn học, mô-đun phải thể		2.2.02		Khoa ĐD-HS; Khoa Dược; Khoa Y	
		2.3.01			<i>Biên bản họp Hội đồng xây dựng CTĐT hoặc điều chỉnh CTĐT..</i>
		1.1.05			<i>Quyết định thành lập hội đồng phát triển CTĐT.</i>
			<i>Biên bản góp ý chương trình từ các chuyên gia, đơn vị sử dụng lao động</i>		

hiện vị trí, vai trò và tiến trình đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.	2.3.02		<i>Bản chuẩn đầu ra chi tiết</i>	
		2.3.03	<i>Kế hoạch giảng dạy toàn khóa</i>	
		1.1.07	<i>Báo cáo khảo sát các bên liên quan</i>	
	2.3.04		<i>Biên bản họp điều chỉnh chương trình sau khi có phản hồi.</i>	
Tiêu chuẩn 2.4: Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, sự phát triển của ngành, địa phương.		2.2.01	<i>Quy định/Quy trình về rà soát, cập nhật CTĐT</i>	Khoa ĐD-HS; Khoa Dược; Khoa Y
	2.4.01		<i>Kế hoạch rà soát CTĐT của các năm gần nhất.</i>	
	2.4.02		<i>Biên bản họp Hội đồng rà soát CTĐT.</i>	
		1.1.07	<i>Báo cáo khảo sát các bên liên quan</i>	
		2.1.04	<i>Báo cáo rà soát, cập nhật chương trình định kỳ</i>	
	2.4.03		<i>Danh mục các tài liệu tham khảo nước ngoài</i>	
2.4.04		<i>Danh mục Chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài đã được tham khảo/ Thông tin về những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến được cập nhật</i>		
Tiêu chuẩn 2.5: Giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành đủ cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.		2.5.01	<i>Quy định về biên soạn, lựa chọn, thẩm định và ban hành giáo trình.</i>	Khoa ĐD-HS; Khoa Dược; Khoa Y
	2.5.02		<i>Quy trình cập nhật giáo trình của trường.</i>	
		2.5.03	<i>Danh mục giáo trình hiện hành cho toàn bộ CTĐT.</i>	
	2.5.04		<i>Biên bản rà soát danh mục giáo trình theo từng năm học.</i>	
	2.5.05		<i>Đề cương biên soạn giáo trình.</i>	
		2.5.06	<i>Biên bản nghiệm thu giáo trình</i>	
		2.5.07	<i>Quyết định ban hành giáo trình.</i>	
Tiêu chuẩn 2.6: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, bảo đảm đáp ứng yêu cầu của ngành, nghề đào tạo.		2.6.01	<i>Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN</i>	Khoa ĐD-HS; Khoa Dược; Khoa Y
		2.6.02	<i>Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN</i>	
		1.1.07	<i>Quyết định ban hành về CTĐT</i>	
		2.5.07	<i>Quyết định ban hành giáo trình.</i>	
		2.5.03	<i>Danh mục giáo trình hiện hành cho toàn bộ CTĐT.</i>	
	2.6.03		<i>Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của chương trình</i>	

			<i>đào tạo.</i>	
		2.5.06	<i>Biên bản nghiệm thu giáo trình</i>	
Tiêu chuẩn 2.7: Giáo trình định kỳ được rà soát, đánh giá và cập nhật theo quy định, đáp ứng sự đổi mới của chương trình đào tạo.		2.5.01	<i>Quy định về biên soạn, lựa chọn, thẩm định và ban hành giáo trình.</i>	Khoa ĐD-HS; Khoa Dược; Khoa Y
		2.7.01	<i>Kế hoạch rà soát giáo trình hằng năm</i>	
		2.7.02	<i>Biên bản họp hội đồng rà soát</i>	
		2.7.03	<i>Báo cáo tổng hợp kết quả rà soát</i>	
		2.7.04	<i>Danh mục giáo trình được rà soát và cập nhật</i>	
Tiêu chí 3: Hoạt động đào tạo:				
Tiêu chuẩn 3.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật. Các hoạt động tư vấn tuyển sinh giúp người học lựa chọn đúng ngành, nghề đào tạo, phát huy năng lực, sở trường của người học. Kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.		3.1.01	<i>QĐ ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ năm 2023, 2024, 2025</i>	P. ĐT-HTQT
		3.1.02	<i>Quy định về điều kiện, đối tượng, phương thức tuyển sinh.</i>	
		3.1.03	<i>Quyết định ban hành kế hoạch tuyển sinh hằng năm.</i>	
		3.1.04	<i>Địa chỉ website đăng thông tin tuyển sinh</i>	
		2.6.01	<i>Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN</i>	
		2.6.02	<i>Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN</i>	
		3.1.05	<i>Biên bản kiểm tra công tác tuyển sinh</i>	
		3.1.06	<i>Kế hoạch phối hợp với trường THPT, trung tâm GDNN-GDTX.</i>	
		3.1.07	<i>Tờ rơi, áp phích, poster, video giới thiệu ngành nghề.</i>	
		3.1.08	<i>Báo cáo kết quả tuyển sinh hằng năm</i>	
	3.1.9	<i>Biên bản họp rút kinh nghiệm tuyển sinh.</i>		
Tiêu chuẩn 3.2: Các phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung, mục tiêu của từng mô đun, môn học để góp phần đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.		3.2.01	<i>QĐ về việc ban hành quy chế đào tạo cao đẳng, trung cấp</i>	P. ĐT-HTQT
		3.2.02	<i>Các Quyết định mở lớp hằng năm</i>	
		2.3.03	<i>Kế hoạch giảng dạy toàn khóa</i>	
		1.1.01	<i>Quyết định phê duyệt và ban hành chương trình đào tạo</i>	
		1.1.07	<i>Báo cáo khảo sát các bên liên quan</i>	
Tiêu chuẩn 3.3: Các hoạt động dạy và học phát huy tính tích cực, tự giác, khả năng làm		3.3.01	<i>Đề cương mô-đun/môn học thể hiện hoạt động học nhóm, tự học, nghiên cứu tình huống.</i>	Khoa ĐD-HS; Khoa Dược;

việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và học tập suốt đời.		2.3.03	<i>Kế hoạch giảng dạy toàn khóa.</i>	Khoa Y
		3.3.02	<i>Phiếu khảo sát các bên liên quan</i>	
	3.3.03		<i>Biên bản họp tổ chuyên môn rút kinh nghiệm.</i>	
	3.3.04		<i>Kế hoạch cải tiến hoạt động giảng dạy.</i>	
Tiêu chuẩn 3.4: Trường phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn người học thực hành, thực tập tại nơi làm việc.	3.4.01		<i>Quy định về thực tập, thực hành của Sinh viên tại cơ sở thực hành</i>	Khoa ĐD-HS; Khoa Dược; Khoa Y
	3.4.02		<i>Kế hoạch phối hợp giữa nhà trường và cơ sở thực hành</i>	
	3.4.03		<i>Biên bản ghi nhớ hoặc hợp đồng hợp tác với các cơ sở sử dụng lao động.</i>	
	3.4.04		<i>Quyết định phân công giảng viên hướng dẫn thực tập.</i>	
Tiêu chuẩn 3.5: Trường xây dựng, ban hành quy trình và tổ chức thực hiện việc kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng cho người tốt nghiệp bảo đảm công bằng, minh bạch; hồ sơ lưu trữ đầy đủ, rõ ràng.		3.5.01	<i>Quy chế kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập theo từng trình độ đào tạo</i>	P. KT ĐBCL; P. ĐT-HTQT
	3.5.02		<i>Quy định về xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng.</i>	
	3.5.03		<i>Quy trình tổ chức thi, kiểm tra, bao gồm: ra đề, coi thi, chấm thi, phúc khảo, lưu trữ.</i>	
	3.5.04		<i>Quy định về lưu trữ hồ sơ học tập, điểm, kết quả rèn luyện.</i>	
	3.5.05		<i>Văn bản hướng dẫn thực hiện đánh giá rèn luyện sinh viên (thang điểm, tiêu chí).</i>	
	3.5.06		<i>Báo cáo tổng kết công tác thi, kiểm tra và cấp bằng.</i>	
Tiêu chuẩn 3.6: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các mục tiêu dạy và học.		1.1.01	<i>Quyết định ban hành các CTĐT</i>	P. KT ĐBCL
		1.2.01	<i>Quyết định ban hành chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.</i>	
		3.5.01	<i>Quy chế kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập theo từng trình độ đào tạo</i>	
	3.6.01		<i>Chương trình môn học có thể hiện hình thức đánh giá</i>	
	3.6.02		<i>Hồ sơ tổ chức thi, đánh giá kết quả học tập</i>	
Tiêu chuẩn 3.7: Kết quả kiểm tra, đánh giá người học được tổng hợp, phân tích và phản hồi kịp thời để cải thiện việc giảng dạy, học	3.7.01		<i>Quy trình tổng hợp, phân tích và phản hồi kết quả học tập</i>	P. KT ĐBCL
	3.7.02		<i>Bảng tổng hợp kết quả học tập</i>	
	3.7.03		<i>Biên bản họp rút kinh nghiệm sau kỳ thi</i>	

tập.		1.1.07	<i>Báo cáo khảo sát các bên liên quan</i>	
Tiêu chí 4: Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động				
Tiêu chuẩn 4.1: Đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn, đáp ứng được yêu cầu chương trình đào tạo và các quy định về tổ chức đào tạo có liên quan.		4.1.01	<i>Danh sách trích ngang nhà giáo, viên chức và người lao động</i>	P. TC-CB
		4.1.02	<i>Danh sách hồ sơ quản lý cán bộ</i>	
		4.1.03	<i>Báo cáo về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo</i>	
		4.1.05	<i>Báo cáo kết quả khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động về các hoạt động của nhà trường</i>	
		4.1.06	<i>QĐ về việc ban hành quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ làm việc của giảng viên</i>	
		2.3.03	<i>Kế hoạch giảng dạy toàn khóa</i>	
		4.1.07	<i>Bảng tổng hợp giờ giảng của nhà giáo</i>	
		4.1.08	<i>Báo cáo về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo</i>	
		4.1.9	<i>Báo cáo/văn bản tổng kết biên bản thanh kiểm tra có nội dung về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo</i>	
Tiêu chuẩn 4.2: Đội ngũ nhà giáo được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, năng lực và kinh nghiệm. Bảo đảm tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo giảng dạy; bảo đảm tỷ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo.		4.1.06	<i>QĐ về việc ban hành quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ làm việc của giảng viên</i>	P. TC-CB
		4.1.01	<i>Danh sách trích ngang nhà giáo, viên chức và người lao động</i>	
	4.2.01		<i>Quyết định phân công giảng dạy theo học kỳ/năm học; bảng phân công môn học – giáo viên.</i>	
	4.2.02		<i>Lịch giảng dạy các môn/mô-đun có đủ tên giáo viên phụ trách.</i>	
	4.2.03		<i>Báo cáo thống kê tỷ lệ học viên/lớp và học viên/giáo viên; biểu đối sánh với quy định.</i>	
	4.2.04		<i>Biên bản họp phân công, điều chỉnh nhân sự; kế hoạch bổ sung giáo viên khi thiếu.</i>	
4.2.05		<i>Báo cáo đánh giá việc phân công phù hợp năng lực giáo viên.</i>		
Tiêu chuẩn 4.3: Có kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo bảo đảm về số lượng và chất	4.3.01		<i>Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên giai đoạn 2023–2025, 2025–2030.</i>	P. TC-CB

lượng để thực hiện chương trình đào tạo. Nhà giáo tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo.	4.3.02		<i>Quy hoạch cán bộ, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nhà giáo.</i>	
		4.1.01	<i>Danh sách trích ngang nhà giáo, viên chức và người lao động</i>	
		4.3.03	<i>Giấy chứng nhận tham gia tập huấn, bồi dưỡng.</i>	
	4.3.04		<i>Danh mục đề tài, sáng kiến của giảng viên.</i>	
	4.3.05		<i>Quyết định, giấy khen, chứng nhận giáo viên dạy giỏi các cấp.</i>	
	4.3.06		<i>Báo cáo tổng kết hoạt động NCKH hàng năm.</i>	
		4.3.07	<i>Kế hoạch về việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực quản lý cho giảng viên và cán bộ quản lý</i>	
Tiêu chuẩn 4.4: Nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của nhà giáo được xác định có tính hệ thống, có kế hoạch và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu. Nhà giáo định kỳ được học tập, bồi dưỡng, thực tập để cập nhật kiến thức, công nghệ, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp hoặc theo yêu cầu đặc thù của chương trình đào tạo.	4.4.01		<i>Biên bản họp xác định nhu cầu đào tạo, phiếu khảo sát nhu cầu giảng viên.</i>	P. TC-CB
	4.4.02		<i>Báo cáo tổng hợp nhu cầu đào tạo – bồi dưỡng hàng năm.</i>	
		4.3.07	<i>Kế hoạch về việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực quản lý cho giảng viên và cán bộ quản lý</i>	
	4.4.03		<i>Các kế hoạch cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy hàng năm</i>	
	4.4.04		<i>Các Quyết định và Danh sách cử đi học tập, bồi dưỡng của giáo viên hàng năm</i>	
	4.4.05		<i>Bằng cấp, chứng chỉ, giấy chứng nhận của các lớp tập huấn hàng năm</i>	
	4.4.06		<i>Hình ảnh giáo viên đi học tập, bồi dưỡng hàng năm</i>	
	4.4.07	<i>Báo cáo tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức</i>		
Tiêu chuẩn 4.5: Đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của khoa hoặc bộ môn triển khai chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và		4.1.01	<i>Danh sách trích ngang nhà giáo, viên chức và người lao động</i>	P. TC-CB
	4.5.01		<i>Sơ đồ tổ chức khoa/bộ môn.</i>	
	4.5.02		<i>Kế hoạch công tác khoa/bộ môn hàng năm.</i>	
	4.5.03		<i>Biên bản họp khoa chuyên môn</i>	

thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ trong xây dựng, tổ chức triển khai chương trình đào tạo; định kỳ được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.	1.1.05	<i>Biên bản góp ý chương trình từ các chuyên gia, đơn vị sử dụng lao động</i>		
	4.3.07	<i>Kế hoạch về việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực quản lý cho giảng viên và cán bộ quản lý</i>		
	4.3.04	<i>Giấy chứng nhận tham gia tập huấn, bồi dưỡng.</i>		
	4.4.08	<i>Báo cáo Tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức</i>		
	4.5.04	<i>Phiếu đánh giá CBQL, viên chức hằng năm.</i>		
Tiêu chuẩn 4.6: Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của khoa hoặc bộ môn triển khai chương trình đào tạo được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định. Thực hiện chính sách khuyến khích đối với nhà giáo, cán bộ quản lý có thành tích để cải tiến liên tục chất lượng của chương trình đào tạo.	4.6.01	<i>Quy chế chi tiêu nội bộ, quy định chế độ chính sách của trường.</i>	P. TC-CB	
	4.6.02	<i>Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động được hưởng chế độ, chính sách theo quy định</i>		
	4.6.03	<i>Báo cáo/văn bản tổng kết, biên bản thanh kiểm tra có nội dung thể hiện việc thực hiện chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động</i>		
	4.6.04	<i>Quyết định khen thưởng, giấy khen, bằng khen các cấp.</i>		
	4.6.05	<i>Danh sách cá nhân/tập thể được khen thưởng, nâng lương trước hạn.</i>		
	4.6.06	<i>Báo cáo thành tích của cá nhân, tổ chuyên môn trong việc đổi mới chương trình, phương pháp.</i>		
	4.6.07	<i>Biên bản họp xét khen thưởng gắn với cải tiến chất lượng.</i>		
	4.6.08	<i>Báo cáo tổng kết thi đua – khen thưởng.</i>		
Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và học liệu				
Tiêu chuẩn 5.1: Phòng học, phòng học chuyên môn hóa, khu vực thực hành, thực nghiệm bảo đảm quy chuẩn và tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành, các yêu cầu công nghệ và bền vững môi trường. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định	5.1.01	<i>Các qui định Tiêu chuẩn về giảng đường, phòng thực hành, phòng học chuyên môn hóa (của NN hoặc của cơ quan chủ quản nếu có)</i>	Khoa ĐD-HS; Khoa Dược; Khoa Y	
		5.1.02		<i>Hồ sơ thiết kế, bản vẽ mặt bằng, sơ đồ phòng học, phòng thực hành</i>
		5.1.03		<i>Quy chế quản lý, sử dụng thiết bị đào tạo.</i>
	5.1.04	<i>Báo cáo/văn bản về sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa. (Báo cáo</i>		

và triển khai bao gồm cả các nhu cầu, điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật và không phân biệt đối xử về giới.			<i>kiểm kê hàng năm)</i>	
		1.1.07	<i>Báo cáo khảo sát các bên liên quan</i>	
	5.1.05		<i>Quy định, hướng dẫn về an toàn, sức khỏe nghề nghiệp, bảo vệ môi trường</i>	
	5.1.06		<i>Quyết định phân công phụ trách công tác an toàn – y tế – môi trường</i>	
	5.1.07		<i>Kế hoạch, biên bản, hình ảnh các buổi tập huấn PCCC, sơ cấp cứu, vệ sinh môi trường</i>	
	5.1.08		<i>Văn bản của cơ quan có thẩm quyền đánh giá đối với hệ thống xử lý nước thải, chất thải.</i>	
	5.1.09		<i>Biên bản kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ</i>	
	5.1.10		<i>Văn bản quy định về bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật.</i>	
	5.1.11		<i>Kế hoạch duy tu bảo dưỡng hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất hằng năm</i>	
Tiêu chuẩn 5.2: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đầy đủ về số lượng, chủng loại và đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.	5.2.01		<i>Danh mục các thiết bị đào tạo (xuất xứ, năm, nước sản xuất, nhà sản xuất) và quy định về sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo của nhà sản xuất.</i>	Khoa ĐD-HS; Khoa Dược; Khoa Y
	5.2.02		<i>Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.</i>	
	5.2.03		<i>Báo cáo kiểm kê hàng năm</i>	
	5.2.04		<i>Thống kê số lượng người học tại mỗi lớp học lý thuyết và thực hành của các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. (theo năm tự đánh giá)</i>	
		1.1.07	<i>Báo cáo khảo sát các bên liên quan</i>	
		5.1.02	<i>Hồ sơ thiết kế, bản vẽ mặt bằng, sơ đồ phòng học, phòng thực hành</i>	
	5.2.05		<i>Hồ sơ quản lý các thiết bị, dụng cụ.</i>	
	5.2.06		<i>Kế hoạch đầu tư, mua sắm thiết bị.</i>	

	5.2.07	<i>Văn bản về sự an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong việc sử dụng các thiết bị, dụng cụ</i>	
Tiêu chuẩn 5.3: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, bố trí hợp lý, bảo đảm các yêu cầu sư phạm, an toàn sức khỏe và vệ sinh môi trường.	5.3.01	<i>Danh mục thiết bị, máy móc phục vụ đào tạo theo từng ngành</i>	Khoa ĐD-HS; Khoa Dược; Khoa Y
	5.3.02	<i>Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, vệ sinh và an toàn môi trường</i>	
	5.3.03	<i>Biên bản kiểm tra PCCC, môi trường, an toàn lao động</i>	
	5.1.03	<i>Quy chế quản lý, sử dụng thiết bị đào tạo.</i>	
	5.3.04	<i>Hồ sơ bàn giao, nhật ký sử dụng, sổ theo dõi thiết bị.</i>	
	5.1.02	<i>Hồ sơ thiết kế, bản vẽ mặt bằng, sơ đồ phòng học, phòng thực hành</i>	
	5.3.05	<i>Kế hoạch vệ sinh, xử lý chất thải, biên bản kiểm tra định kỳ.</i>	
Tiêu chuẩn 5.4: Trường ban hành và áp dụng quy trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu. Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; đáp ứng đầy đủ nhu cầu theo kế hoạch, tiến độ đào tạo và được tái sử dụng hiệu quả.	5.4.01	<i>Quy định, quy trình cấp phát vật tư, nhiên liệu.</i>	P. KH-TC
	5.4.02	<i>Mẫu phiếu đề nghị, phiếu cấp phát, sổ theo dõi kho.</i>	
	5.4.03	<i>Ảnh kho, sơ đồ bố trí khu vực lưu trữ vật tư.</i>	
	5.4.04	<i>Kế hoạch phân bổ vật tư theo học kỳ/năm học.</i>	
	5.4.05	<i>Biên bản cấp phát vật tư cho từng lớp học, mô-đun.</i>	
	5.4.06	<i>Báo cáo thống kê vật tư tiêu hao và tái sử dụng.</i>	
	5.4.07	<i>Kế hoạch tiết kiệm và bảo quản vật tư.</i>	
Tiêu chuẩn 5.5: Thư viện, nguồn học liệu đầy đủ và phù hợp; được cập nhật và áp dụng những tiến bộ về công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng, bảo đảm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, nghiên cứu của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học và các hoạt động khác liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo.	5.5.01	<i>Kế hoạch cập nhật và phát triển nguồn học liệu.</i>	P. KH-TC
	5.5.02	<i>Danh mục giáo trình, tài liệu, sách, tạp chí, tài liệu số cho từng ngành/ngành.</i>	
	5.5.03	<i>Báo cáo thống kê số lượng tài liệu (in và điện tử).</i>	
	1.1.07	<i>Báo cáo khảo sát các bên liên quan</i>	
	5.5.04	<i>Báo cáo sử dụng thư viện (lượt mượn, truy cập, người dùng).</i>	
	5.5.05	<i>Hướng dẫn sử dụng phần mềm hoặc tài khoản truy cập học liệu số.</i>	
Tiêu chuẩn 5.6: Thiết bị, dụng cụ đào tạo, các điều kiện đào tạo trực tuyến phù hợp và được cập nhật đáp ứng yêu cầu của chương	5.6.01	<i>Danh mục thiết bị CNTT, phòng học trực tuyến.</i>	P. KH-TC
	5.6.02	<i>Tài liệu hướng dẫn sử dụng.</i>	
	5.6.03	<i>Danh sách tài khoản GV – SV.</i>	

trình đào tạo.	5.6.04		<i>Kế hoạch bảo trì, nâng cấp hệ thống.</i>		
	5.6.05		<i>Kế hoạch tập huấn giảng viên, người học.</i>		
	5.6.06		<i>Báo cáo thống kê lượt truy cập, số bài học trực tuyến.</i>		
Tiêu chí 6 - Người học và hoạt động hỗ trợ người học					
Tiêu chuẩn 6.1: Các thông tin về ngành, nghề, chương trình đào tạo, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường và các chế độ, chính sách đối với người học được mô tả rõ ràng, đầy đủ, công khai.	6.1.01		<i>Sổ tay HS-SV</i>	P. CTCT-HSSV	
	6.1.02		<i>Kế hoạch Giáo dục chính trị đầu khóa cho sinh viên</i>		
		3.2.01	<i>QĐ về việc ban hành quy chế đào tạo cao đẳng, trung cấp</i>		
	6.1.03		<i>Nội quy HS-SV trường CĐYT Phú Thọ</i>		
	6.1.04		<i>Các thông báo về chính sách ưu tiên cho SV (theo năm tự đánh giá)</i>		
Tiêu chuẩn 6.2: Người học được bảo đảm hưởng các chế độ, chính sách theo quy định, trong đó có chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	6.2.01		<i>Bảng thống kê các chính sách, chế độ hỗ trợ đối với người học thuộc đối tượng ưu tiên và các chính sách xã hội khác mà trường đã và đang áp dụng (theo năm tự đánh giá)</i>	P. CTCT-HSSV	
	6.2.02		<i>Quyết định miễn giảm học phí</i>		
	6.2.03		<i>Danh sách chi trả kinh phí hỗ trợ sinh viên hằng năm; Chi tiết quyết toán cấp bù học phí cho sinh viên theo nghị định 86/2015/NĐ-CP hằng năm</i>		
	6.2.04		<i>Quyết định HSSV hưởng chính sách nội trú (theo năm tự đánh giá)</i>		
	6.2.05		<i>Sổ theo dõi xác nhận các chế độ chính sách HSSV (theo năm tự đánh giá)</i>		
		6.2.06			<i>Chính sách khen thưởng, tuyên dương sinh viên tiêu biểu.</i>
		6.2.07			<i>Báo cáo tổng kết công tác của trường (theo năm tự đánh giá)</i>
Tiêu chuẩn 6.3: Người học được tư vấn học tập, tạo điều kiện tham gia các hoạt động ngoại khóa, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, tư vấn về thị trường lao động, việc làm và phát	6.3.01		<i>Hồ sơ tư vấn việc làm, ngày hội tuyển dụng</i>	P. CTCT-HSSV	
	6.3.02		<i>Quy chế hoạt động của các CLB, đội nhóm</i>		
	6.3.03		<i>Kế hoạch các phong trào Đoàn – Hội, các chương trình rèn luyện kỹ năng mềm</i>		
	6.3.04		<i>Báo cáo tham gia các cuộc thi nghiên cứu khoa học, sáng tạo trẻ,</i>		

triển nghề nghiệp. Môi trường và cảnh quan sư phạm tạo thuận lợi cho hoạt động học tập, rèn luyện và phát triển cá nhân của người học.	6.3.05		<i>khởi nghiệp.</i>	
		6.2.06	<i>Thành tích trong các hội thi văn nghệ, thể dục thể thao.</i>	
			<i>Chính sách khen thưởng, tuyên dương sinh viên tiêu biểu.</i>	
	6.3.06		<i>Kế hoạch và báo cáo công tác ĐTN về môi trường xanh - sạch - đẹp tại khuôn viên nhà trường</i>	
Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng				
Tiêu chuẩn 7.1: Các chính sách, quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, ban hành chương trình đào tạo được xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến.		2.2.01	<i>Quy định/Quy trình về rà soát, cập nhật CTĐT</i>	P. ĐT-HTQT
	7.1.01		<i>Quyết định ban hành hệ thống ĐBCL</i>	
	7.1.02		<i>Biên bản họp hội đồng xây dựng, góp ý chương trình.</i>	
	7.1.03		<i>Kế hoạch tự đánh giá Hệ thống ĐBCL</i>	
	7.1.04		<i>Báo cáo hệ thống ĐBCL hàng năm</i>	
	7.1.05		<i>Kế hoạch cải tiến hệ thống ĐBCL</i>	
Tiêu chuẩn 7.2: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại các khu vực học tập, rèn luyện và các dịch vụ khác được giám sát, đánh giá và cải tiến.	7.2.01		<i>Quy chế công tác HSSV.</i>	P. CTCT- HSSV
	7.2.02		<i>Quy định quản lý, giám sát người học bằng CNTT.</i>	
	7.2.03		<i>Quy trình giám sát, theo dõi, đánh giá người học.</i>	
		1.1.07	<i>Báo cáo khảo sát các bên liên quan</i>	
	7.2.04		<i>Báo cáo tổ chức hoạt động tư vấn học tập, hướng nghiệp, y tế, học bổng.</i>	
	7.2.05		<i>Biên bản họp tổng kết, đánh giá công tác hỗ trợ người học.</i>	
	7.2.06		<i>Kế hoạch hỗ trợ người học (theo năm học)</i>	
	7.2.07		<i>Báo cáo thực hiện tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp</i>	
Tiêu chuẩn 7.3: Có hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp, sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Thông tin phản hồi và nhu		7.3.01	<i>Kế hoạch khảo sát các bên liên quan về hoạt động nhà trường</i>	P. KT ĐBCL
		3.3.02	<i>Phiếu khảo sát các bên liên quan</i>	
		1.1.07	<i>Báo cáo khảo sát các bên liên quan</i>	

cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình đào tạo.				
Tiêu chuẩn 7.4: Trường thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng.	7.1.04	<i>Kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo</i>	P. KT ĐBCL	
	7.4.01	<i>Quyết định thành lập hội đồng Tự đánh giá chương trình đào tạo</i>		
	7.4.02	<i>Biên bản họp thông qua Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo</i>		
	7.1.05	<i>Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo</i>		
Tiêu chuẩn 7.5: Tỷ lệ tốt nghiệp, bỏ học và thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát, đối sánh (nếu có) để cải tiến chất lượng.	7.1.06	<i>Kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo</i>	P. ĐT-HTQT	
	7.5.01	<i>Quy trình theo dõi, thống kê người học.</i>		
	7.5.02	<i>Báo cáo tỷ lệ tốt nghiệp hàng năm</i>		
	7.5.03	<i>Thống kê số lượng bỏ học hàng năm</i>		
Tiêu chuẩn 7.6: Dữ liệu về mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học chương trình đào tạo được xác lập và giám sát. Mức độ hài lòng của người tốt nghiệp, đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.	7.5.04	<i>Biên bản họp xét lên lớp, học lại, cảnh báo học tập.</i>	Khoa ĐD-HS; Khoa Dược; Khoa Y	
	1.2.01	<i>Quyết định ban hành chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.</i>		
	1.1.01	<i>Quyết định ban hành về chương trình đào tạo</i>		
	6.2.07	<i>Báo cáo tổng kết công tác của trường (theo năm tự đánh giá)</i>		
	7.3.01	<i>Kế hoạch khảo sát các bên liên quan về hoạt động nhà trường</i>		
	3.3.02	<i>Phiếu khảo sát các bên liên quan</i>		
Tiêu chuẩn 7.7: Tỷ lệ có việc làm, khởi nghiệp và tiếp tục học trình độ khác của người học sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh (nếu có) để cải tiến chất lượng. Trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% người học tốt nghiệp có việc làm.	1.1.07	<i>Báo cáo khảo sát các bên liên quan</i>	P. CTCT- HSSV	
	7.7.01	<i>Kế hoạch hằng năm về khảo sát việc làm sau tốt nghiệp</i>		
	7.7.02	<i>Phiếu khảo sát cựu sinh viên về tình trạng việc làm, khởi nghiệp, học tiếp.</i>		
	7.7.03	<i>Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát việc làm</i>		
	7.7.04	<i>Biên bản họp, kế hoạch cải tiến, hoạt động hỗ trợ việc làm</i>		